

CHUYÊN MỤC TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ



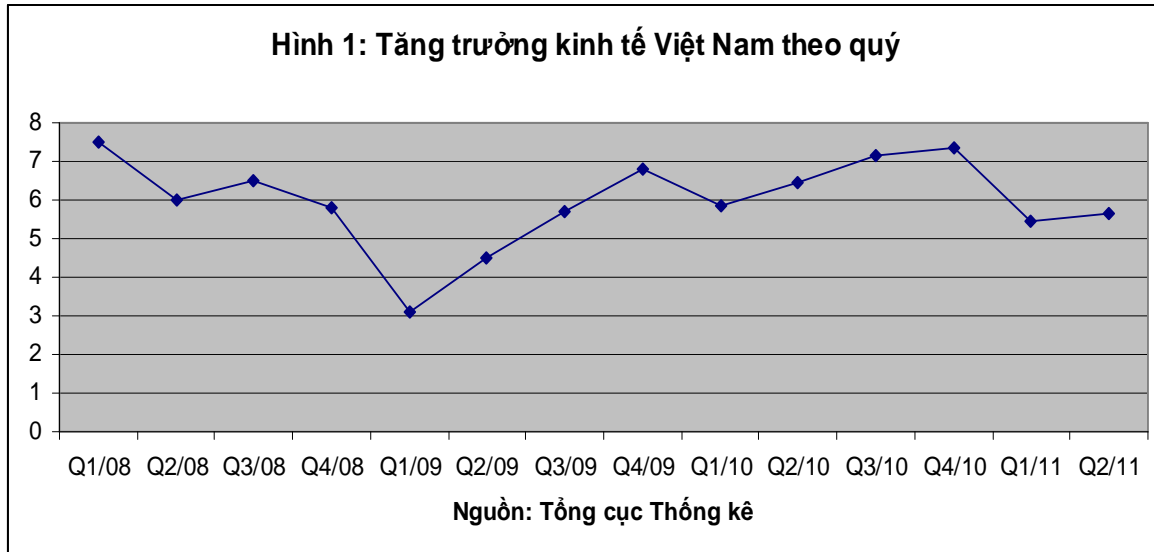
I. Tình hình sản xuất kinh doanh tháng 6 năm 2011

1. Đánh giá chung

Trong 6 tháng đầu năm 2011, tình hình trong nước và quốc tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và đã xuất hiện những nhân tố bất lợi mới. Trên thế giới, lạm phát của các nước trong khu vực và toàn cầu tăng mạnh; giá lương thực, thực phẩm, dầu thô và nhiều nguyên vật liệu cơ bản trên thị trường tiếp tục tăng với diễn biến khó lường. Trong nước, thiên tai, bão lũ thất thường. Nguy cơ lạm phát cao và bất ổn kinh tế vĩ mô đã trở thành thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế nước ta.

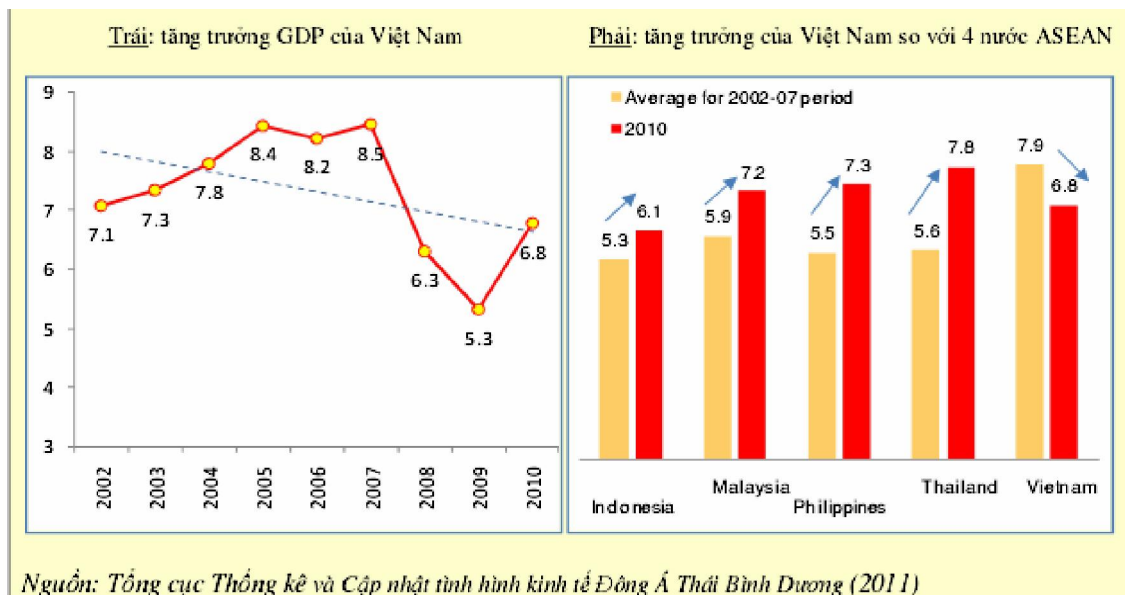
Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và sự nỗ lực của các ban, ngành trong việc triển khai Nghị quyết số 02/ NQ-CP ngày 09 tháng 1 năm 2011 đề ra những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tích cực đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu, đầu tư, mở rộng thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư mới... đã góp phần quan trọng tạo sự chuyển biến tích cực trong ổn định kinh tế vĩ mô.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sáu tháng đầu năm 2011 ước tính tăng 5,57% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó quý I tăng 5,43%; quý II tăng 5,67%. Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,08%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,49%, đóng góp 2,64 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,12%, đóng góp 2,57 điểm phần trăm. Trong tổng sản phẩm trong nước 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 39,9%; khu vực dịch vụ chiếm 37,33%.



Kinh tế Việt Nam đã phục hồi sau khủng hoảng 2008- 2009, tuy nhiên vẫn còn cách xa so với tốc độ tăng trưởng trước khủng hoảng.

Hình 2: Mặc dù phục hồi nhanh, song tăng trưởng của Việt Nam vẫn còn cách xa so với trước khủng hoảng



Theo dự báo kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm còn diễn biến phức tạp và gặp nhiều khó khăn do tác động, ảnh hưởng của những tồn tại của nền kinh tế và diễn biến khó lường từ bên ngoài. Nguồn vốn hạn chế nên hoạt động của nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đang co lại, giá cao do chi phí tăng cao đã tạo

điều kiện cho hàng ngoại tràn vào. Để đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2011, cần chú ý một số nội dung quan trọng sau:

- Cần tăng cường vai trò nhà nước trong quản lý giá, quản lý thị trường, làm giảm chênh lệch về giá sỉ và lẻ là rất lớn.

- Về chính sách tiền tệ, cần có sự điều hành linh hoạt cũng như phân bổ nguồn vốn một cách hợp lý. Cần xác định rõ phải ưu tiên vốn cho hoạt động sản xuất để tháo gỡ khó khăn về vốn cho DN nhằm duy trì sản xuất ổn định công ăn việc làm cho người lao động.

- Khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát và hạn chế nhập khẩu, nhất là các mặt hàng tiêu dùng xa xỉ.

Kết quả đạt được cụ thể của từng ngành và lĩnh vực quý II/2011 như sau:

2. Sản xuất công nghiệp

*Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)*¹ tháng 6 tăng 4,6% so với tháng 5/2011 và 6 tháng đầu năm 2011 ước tăng 9,7% so với cùng kỳ, trong đó: IIP của ngành khai thác mỏ tăng 2,8%; công nghiệp chế biến tăng 12,7%; sản xuất và phân phối điện, gas, nước tăng 10,3% so với cùng kỳ.

*Theo giá cố định 1994*², 6 tháng đầu năm 2011, giá trị sản xuất công nghiệp cả nước 6 tháng đầu năm ước đạt 418,47 nghìn tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn kế hoạch cả năm (là 14%). Trong đó: kinh tế nhà nước tăng 5,3% (kinh tế nhà nước trung ương tăng 5,6%; kinh tế nhà nước địa phương tăng 3,5%); kinh tế ngoài nhà nước tăng 17,1% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,0%.

Xét theo địa phương, theo báo cáo từ các Sở Công Thương, các tỉnh, thành phố sản xuất công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ là: Bắc Ninh tăng 84,4%; Ninh Bình tăng 48,6%; Điện Biên tăng 28,19%; Tuyên Quang tăng 27,1%; Lạng Sơn tăng 24,8%; Đắk Nông tăng 21,53% so với cùng kỳ năm trước; Tiền Giang tăng 20,6%; Long An tăng 19,4%; Quảng Nam tăng 20,1%; Vĩnh Long tăng 18,3%; Bình Dương tăng 18,1%; Ninh Thuận tăng 17,6%; Đồng Nai tăng 17,2%; Bến Tre tăng 16,09%; Khánh Hoà tăng 15,9%, v.v...

Một số tỉnh, thành phố có mức tăng thấp hơn mức tăng chung của cả nước là: Bình Định tăng 13,8%; An Giang tăng 13%; Sơn La tăng 13%; Hà Nội

1 Theo phương pháp thống kê mới bắt đầu được áp dụng từ tháng 6 năm 2011.

2 Theo phương pháp thống kê cũ, áp dụng từ năm 1995 đến nay.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

tăng 12,5%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,2%; Hậu Giang tăng 11,7%; Kon Tum tăng 9,4%; Kiên Giang tăng 7,82%, v.v...

Chỉ số sản xuất của một số ngành sản phẩm công nghiệp đạt tốc độ tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Sản xuất đường tăng 43,5%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 38,1%; sản xuất đồ gốm, sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng) tăng 35,3%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 35%; sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa tăng 24,2%; sản xuất bột thô tăng 23,8%; sản xuất giấy nhẵn và bao bì tăng 18,3%; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 17%; sản xuất sắt, thép tăng 16,4%; sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 16,1%; sản xuất bia tăng 15,7%; sản xuất sản phẩm bơ, sữa tăng 15,1%; sản xuất sợi và dệt vải tăng 15%; sản xuất xi măng tăng 14,7%. Một số ngành có tốc độ tăng khá là: Sản xuất thức ăn gia súc tăng 14,2%; sản xuất giày dép tăng 13,6%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 12,2%; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic tăng 11,9%; sản xuất, tập trung và phân phối điện tăng 10,7%. Trong khi đó, một số ngành tăng thấp hoặc giảm như: Khai thác, lọc và phân phối nước tăng 5,4%; khai thác dầu thô và khí tự nhiên tăng 0,7%; sản xuất xe có động cơ giảm 4,5%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 7,2%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 19,8%.

Nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu hầu hết các sản phẩm là tư liệu sản xuất, sản phẩm tiêu dùng đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2010, bao gồm: điện thương phẩm tăng 11,2%; than sạch tăng 4,6%; khí hoá lỏng tăng 19,0%; xăng dầu các loại tăng 25,3%; thép các loại tăng 2,5%; máy giặt tăng 45,0%; tivi tăng 4,4%; xe máy lắp ráp tăng 11,6%; phân lân tăng 7,4%; phân NPK tăng 34,9%; phân DAP tăng 73,3%; vải dệt từ sợi bông tăng 1,7%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 17,3%; quần áo cho người lớn tăng 9,4%; giày, dép, ủng giả da cho người lớn tăng 5,3%; giày thể thao tăng 16,5%; giấy, bìa tăng 11,2%; thuốc lá bao các loại tăng 8,7%; bia các loại tăng 8,7%; sữa bột tăng 15,5%; dầu thực vật tăng 4,1%; xi măng tăng 14,7%, v.v... Bên cạnh đó, vẫn còn một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ, như: dầu thô khai thác giảm 0,1%; khí đốt giảm 2,1%; điều hoà nhiệt độ giảm 4,7%; tủ lạnh, tủ đá giảm 15,4%; phân đạm urê giảm 4,7%; xà phòng, bột giặt giảm 13,8%, v.v...

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 5 tháng đầu năm 2011 tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2010. Các ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 80,4%; sản xuất đường

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

tăng 49,8%; sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa tăng 45,6%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 29,9%; sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ xây dựng) tăng 27,2%; sản xuất sơn, véc ni và các chất tương tự tăng 24%; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 20%; xay xát, sản xuất bột thô tăng 18,6%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ năm tháng đầu năm tăng chậm hoặc giảm là: Sản xuất sợi và dệt vải tăng 10,3%; sản xuất sắt, thép tăng 9,8%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 8,8%; sản xuất bia tăng 6,2%; sản xuất bột giấy, giấy và bì tăng 4,5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 0,6%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 6,5%; chế biến và bảo quản rau quả giảm 9,5%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 12,4%.

Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/6/2011 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với cùng thời điểm năm trước tăng 15,9%. Trong đó, những ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Sản xuất bia tăng 94,3%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 71,7%; sản xuất giày dép tăng 59,4%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 39,9%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 37,6%; sản xuất sợi và dệt vải tăng 35,4%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện tăng 34,1%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 30%; sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 27,9%; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic tăng 27%; sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng) tăng 22,7%; sản xuất bột giấy, giấy và bì tăng 18%; chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản tăng 17,2%.

Về công tác đầu tư trong nước: Tổng vốn đầu tư xây dựng ước 6 tháng năm 2011 của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương thực hiện 81.316 tỷ đồng bằng 33,4 % kế hoạch năm (giảm 0,4% về giá trị so với thực hiện cùng kỳ), trong đó: các Tập đoàn và Tổng công ty thực hiện 81.181 tỷ đồng và bằng 33,4% kế hoạch năm; khối hành chính sự nghiệp thực hiện 204,6 tỷ đồng bằng 53,3% kế hoạch năm.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Theo ước tính, tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong 6 tháng đầu năm 2011, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 5,2 tỷ USD, bằng 52% so với cùng kỳ 2010. Tuy nhiên, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã vươn lên đứng thứ nhất với 151 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 2,737 tỷ USD, chiếm 58,4% tổng vốn đầu tư đăng ký từ đầu năm đến nay (năm 2010 lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo đứng thứ ba).

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Một số dự án lớn được cấp phép trong 6 tháng đầu năm 2011 là: dự án Công ty TNHH sản xuất First Solar Việt Nam, thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo do Singapore đầu tư tại TP Hồ Chí Minh với tổng vốn đầu tư hơn 1 tỷ USD; dự án Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam do Malaysia đầu tư, tổng vốn đầu tư 322,2 triệu USD với mục tiêu thiết kế, xây dựng và lắp đặt các hạng mục công trình xử lý nước thải tại Hà Nội; dự án Công ty TNHH một thành viên Enfinity Ninh Thuận với tổng vốn đầu tư 266 triệu USD do Hồng Kông đầu tư với mục tiêu sản xuất điện tại Ninh Thuận;

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm thời tiết ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt là rét đậm, rét hại kéo dài ở miền Bắc đã ảnh hưởng đến việc gieo cấy vụ đông xuân và phát triển chăn nuôi. Dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá thức ăn chăn nuôi và giá xăng dầu tăng cũng tác động không nhỏ đến chăn nuôi và khai thác thủy sản. Tuy nhiên, do giá bán nhiều sản phẩm tăng, thị trường xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản ổn định, kết hợp với các biện pháp quản lý điều hành kịp thời, vì vậy kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm vẫn đạt khá.

Ước tính, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm (theo giá cố định 1994) đạt 107.065 tỷ đồng, tăng 3,74% so cùng kỳ năm trước; trong đó nông nghiệp đạt 77.793,5 tỷ đồng tăng 3,25%, lâm nghiệp đạt 3.580,4 tỷ đồng tăng 5,29% và thủy sản đạt 25.691 tỷ đồng tăng 5,05%.

a. Nông nghiệp

Ước tính sơ bộ diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước đạt 3.096,2 nghìn ha, tăng 9,8 nghìn ha so cùng kỳ năm trước; năng suất lúa ước đạt 62,9 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha; sản lượng lúa đạt 19,47 triệu tấn, tăng 26 vạn tấn. Sản lượng thu hoạch một số cây lâu năm trong 6 tháng đầu năm cũng đạt khá như: chè ước đạt 380 nghìn tấn, tăng 6,4%; cao su đạt 251 nghìn tấn, tăng 1,8%; điều đạt 306 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Miền Bắc: Do thời tiết rét đậm kéo dài trong thời kỳ gieo trồng nên diện tích lúa đông xuân giảm so với vụ trước, một số diện tích không cấy kịp đã được các địa phương chuyển sang trồng màu, cây công nghiệp hàng năm. Cũng do yếu tố thời tiết nên tiến độ thu hoạch lúa đông xuân năm nay chậm hơn rất nhiều so với cùng kỳ nhiều năm. Tính đến ngày 15/6, toàn miền mới thu hoạch đạt 42% diện tích gieo cấy, trong đó: vùng Duyên hải Bắc trung bộ thu hoạch đạt

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

63%, vùng Đồng bằng sông Hồng thu hoạch đạt 36,7% (cùng kỳ năm trước cơ bản thu hoạch xong). Diện tích lúa còn lại phần lớn đang ở giai đoạn sau trổ và chín. Thời điểm lúa đông xuân gặt rộ sẽ vào khoảng cuối tháng 6 và thu hoạch dứt điểm vào khoảng trung tuần tháng 7. Nhìn chung, lúa đông xuân sau cấy gặp thời tiết thuận lợi, sâu bệnh phát sinh ít, được chăm sóc chu đáo nên lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt, nhiều địa phương đánh giá được mùa.

- Miền Nam: Theo báo cáo sơ bộ của các Sở Nông nghiệp và PTNT, diện tích lúa đông xuân năm 2011 đạt 1,99 triệu ha, năng suất bình quân đạt 63,4 tạ/ha, sản lượng đạt gần 12,6 triệu tấn, cao hơn sản lượng vụ trước khoảng 220 ngàn tấn. Riêng vùng ĐBSCL, diện tích đạt hơn 1,6 triệu ngàn ha, năng suất bình quân đạt 65,6 tạ/ha, sản lượng đạt gần 10,6 triệu tấn, tăng hơn vụ trước khoảng 330 ngàn tấn. Một số địa phương thuộc vùng ĐBSCL năng suất lúa đông xuân đạt cao như: An Giang bình quân 74 tạ/ha, Cần Thơ 71,5 tạ/ha, Đồng Tháp 70,6 tạ/ha, Kiên Giang 68,4 tạ/ha,...Địa phương có sản lượng lúa đông xuân đạt cao nhất là Kiên Giang với xấp xỉ 2 triệu tấn, tiếp đến là An Giang 1,75 triệu tấn, Long An gần 1,5 triệu tấn,...Nguyên nhân chính đạt được kết quả trên là do đã khuyến khích nông dân mở rộng diện tích; giống lúa sử dụng đạt các yêu cầu ngày càng cao hơn về năng suất, chất lượng và sức đề kháng sâu bệnh; thời tiết trong vụ tương đối thuận lợi tạo điều kiện bố trí mùa vụ hợp lý, cây lúa sinh trưởng tốt; tiếp tục sử dụng những biện pháp phòng, tránh sâu, rầy có hiệu quả và công tác chuyển giao, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật được tăng cường.

Thời tiết không thuận lợi làm năng suất lúa các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung bộ giảm 1,9 tạ/ha (-3,3 %); các tỉnh Tây Nguyên giảm 6,5 tạ/ha (-12,9%), do thiếu nước, khô hạn, làm sản lượng lúa 2 vùng này giảm trên 60 nghìn tấn (-6,8%)

Thời điểm cuối tháng Sáu cơ bản đã thu hoạch xong các cây trồng vụ đông xuân khác, trong đó sản lượng ngô đạt 2,3 triệu tấn, tăng 0,5%; khoai lang đạt 816,6 nghìn tấn, giảm 1%; đậu tương đạt 155,6 nghìn tấn, giảm 4,4%; lạc đạt 346,8 nghìn tấn, giảm 7,6%; sản lượng rau đạt 7,6 triệu tấn, tăng 3,3%.

Trong sáu tháng đầu năm, sản lượng thu hoạch một số cây lâu năm khá hơn so với cùng kỳ năm trước do diện tích cho sản phẩm tăng, trong đó sản lượng chè đạt 380 nghìn tấn, tăng 6,4%; cao su đạt 251 nghìn tấn, tăng 1,8%; điều đạt 306 nghìn tấn, tăng 4,2%; vải, chôm chôm đạt 395 nghìn tấn, tăng 7,6%.

Cùng với việc thu hoạch vụ đông xuân, tính đến trung tuần tháng Sáu, các địa phương trong cả nước đã xuống giống được 1940,4 nghìn ha lúa hè thu,

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

bằng 95,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Nam xuống giống 1789,6 nghìn ha, bằng 99,5%.

Tình hình sâu bệnh

Các tỉnh miền Bắc: Hiện nay lúa đông xuân tại các tỉnh vùng Bắc Trung bộ đang ở giai đoạn cuối thu hoạch, các vùng khác chủ yếu ở vào các giai đoạn từ trổ đến chín. Theo thống kê của Cục Bảo vệ thực vật tình hình cụ thể của một số đối tượng sâu bệnh gây hại chủ yếu, như sau:

- Bệnh lùn sọc đen và lùn xoắn lá: Xuất hiện và gây hại tại 17 tỉnh tính từ đầu vụ, trong đó có 5/6 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ, diện tích bị nhiễm cộng dồn trên 1.550 ha, diện tích đã nhổ vùi cây bệnh gần 700 ha. Hiện diện tích bị nhiễm bệnh trên đồng ruộng chỉ còn khoảng 30 ha.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Trên lúa đông xuân vùng Đồng bằng Bắc bộ diện tích bị nhiễm gần 110 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng khoảng 24,5 ngàn ha. Tại vùng Duyên hải miền Trung sâu cuốn lá nhỏ tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa xuân muộn tại các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị,...Diện tích lúa được phun thuốc phòng trừ gần 150 ngàn ha.

- Bệnh khô vằn: Tổng diện tích nhiễm trên 180 ngàn ha, nhiễm nặng khoảng 11,5 ngàn ha, tỷ lệ phổ biến 5-10%, cao 25-40%, cục bộ 60-80% số danh. Hầu hết diện tích nhiễm bệnh đã được phun thuốc phòng trừ.

- Rầy các loại: Diện tích nhiễm trên 12 ngàn ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 425 ha, diện tích được phun thuốc phòng trừ trên 14 ngàn ha. Mật độ phổ biến 100-300 c/m², cá biệt >10.000 c/m²

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Tổng diện tích nhiễm 1.710 ha, tỷ lệ 1-3%, cao 5-10%, cục bộ 76% số bông, diện tích bị nhiễm nặng không đáng kể. Tổng diện tích được phun thuốc phòng trừ đạt trên 24 ngàn ha.

- Ngoài ra, còn có chuột hại trên các chân ruộng cạn nước, diện tích bị hại 3.183 ha, trong đó hại nặng 275 ha; nhện gié, bệnh lem lép hạt gây hại cục bộ; các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác ở mức độ nhẹ.

Các tỉnh miền Nam: Trong tháng sâu bệnh gây hại chủ yếu trên lúa hè thu và trên một số ít diện tích lúa thu đông mới trồng. Đáng chú ý có các bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá, rầy nâu tiếp tục di trú từ lúa vụ đông xuân sang; sâu cuốn lá nhỏ; bệnh đạo ôn, trong đó chủ yếu là đạo ôn lá. Tình hình cụ thể như sau:

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm trên lúa hè thu khoảng 3.615 ha, diện tích nhiễm nặng 17 ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh vùng ĐBSCL và Khánh Hòa. Trên lúa thu đông bệnh đã xuất hiện tại tỉnh Đồng Tháp với diện tích nhiễm 103 ha ở giai đoạn lúa đẻ nhánh, trong đó đã có 10 ha nhiễm nặng.

- Rầy nâu: Diện tích nhiễm gần 30 ngàn ha, mật độ phổ biến từ 500-1.500 con/m², nơi cao trên 2.000-3.000 con/m². Các tỉnh có diện tích nhiễm rầy nâu phổ biến, gồm: Long An, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm trên 26,6 ngàn ha, mật độ thấp, phổ biến từ 10-20 con/m², tập trung nhiều tại các tỉnh An Giang, Long An, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Trà Vinh, Vĩnh Long, Gia Lai, Quảng Nam, Khánh Hòa

- Bệnh đạo ôn: Tổng diện tích lúa nhiễm bệnh đạo ôn lá trên 45 ngàn ha, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5-15%, cao 20% trên 1.000 ha, tập trung nhiều tại các tỉnh vùng ĐBSCL. Diện tích nhiễm bệnh đạo ôn cổ bông có khoảng 1.500 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-15%, xuất hiện nhiều ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL và Lâm Đồng, Khánh Hòa.

Chăn nuôi: 6 tháng đầu năm 2011, ngành chăn nuôi vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do các đợt rét đậm, rét hại kéo dài từ cuối năm 2010 đến tháng 02/2011 và một số đợt rét đậm bất thường sau đó cho đến cuối tháng 3/2011, bên cạnh đó còn xuất hiện trở lại các loại dịch bệnh như dịch lở mồm long móng, dịch cúm gia cầm, dịch tai xanh....Theo số liệu thống kê đánh giá sơ bộ về tình hình sản xuất chăn nuôi tính tại thời điểm tháng 4/2011, đàn lợn trên cả nước có 26,3 triệu con, giảm 3,71%; đàn trâu, bò có hơn 8,5 triệu con, giảm 4,6%; đàn gia cầm có 293,77 triệu con, tăng 5,87% so với cùng thời điểm năm trước. Tuy số lượng đầu con giảm nhưng sản lượng thịt sản xuất lại tăng, cụ thể: sản lượng thịt bò tăng 4,87%, thịt trâu tăng 9,3%, thịt gia cầm tăng 16,8%, sản lượng trứng tăng 18.97%, sản lượng sữa tăng 5.44%.

Tình hình dịch bệnh:

Dịch cúm gia cầm: Theo thống kê sơ bộ của Cục Thú y, tính đến 15/6/2011 cả nước có 17 tỉnh xảy ra dịch cúm gia cầm với tổng số là 50.347 con gia cầm bị nhiễm bệnh. Trong đó, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung là vùng có số lượng gia cầm bị nhiễm bệnh lớn nhất 16.578 con, chiếm 33% số lượng gia cầm bị nhiễm bệnh trên cả nước. Tổng số gia cầm bị tiêu hủy trên cả nước là 80.762 con.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Dịch Lở mồm long móng (LMLM): 6 tháng đầu năm cả nước có 140.171 con gia súc bị LMLM, trong đó số lượng trâu bị nhiễm bệnh là nhiều nhất là 78.277 con, tiếp đến là bò 17.373 con, lợn 42.897 và dê 1.624 con. Dịch bệnh chủ yếu xảy ra ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, toàn bộ các tỉnh thuộc vùng này đều bị xảy ra dịch bệnh, tổng số gia súc bị nhiễm bệnh toàn vùng là 110.599 con, chiếm 78% số lượng gia súc bị nhiễm bệnh trên cả nước. Tổng số gia súc bị tiêu hủy trên cả nước là 38,744 con.

Dịch tai xanh (PRRS): Cả nước có 8 tỉnh xảy ra dịch bệnh với tổng số 14.759 con lợn bị nhiễm PRRS. Dịch bệnh chủ yếu xảy ra ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung với tổng số con bị nhiễm bệnh là 13.412 con, chiếm 90% số lượng lợn bị nhiễm bệnh trên cả nước. Số lượng lợn tiêu hủy trên cả nước là 14.158 con.

b. Lâm nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm, trồng rừng đã gặp nhiều khó khăn như thời tiết rét đậm, rét hại và khô hạn xảy ra tại một số tỉnh miền Bắc, không những thế nguồn vốn trung ương giải ngân trồng rừng, đặc biệt là trồng rừng phòng hộ, đặc dụng và hỗ trợ trồng rừng sản xuất thiếu nên đã làm chậm tiến độ trồng rừng. Ước tính đến 20/6, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp như sau:

- Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 53,8 nghìn ha, bằng 68,7% so với cùng kỳ; trong đó: trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 2,9 nghìn ha, bằng 21,1% so với cùng kỳ, trồng mới rừng sản xuất đạt 50,9 nghìn ha, bằng 78,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 261,7 nghìn ha, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Trồng cây phân tán đạt 108 triệu cây, tăng nhẹ (+0,4 %) so với cùng kỳ năm trước;

- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 647,2 nghìn ha, xấp xỉ cùng kỳ năm trước;

- Diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 2.088,3 nghìn ha, tăng 0,5 % so với cùng kỳ năm trước;

- Sản lượng gỗ khai thác đạt 2.007 nghìn m³, tăng 13,1 % so với cùng kỳ năm trước.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Các tỉnh miền Bắc: Do đã vào vụ, các địa phương đang khẩn trương tiến hành trồng rừng, đặc biệt là rừng sản xuất. Ước tính đến 20/6 các địa phương miền Bắc đã trồng được 46.228 ha rừng, chiếm 86% diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng trồng đạt 2.142 ha, chiếm 75,1% diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng cả nước; Diện tích trồng rừng sản xuất đạt 44.086 ha, chiếm 86,6% diện tích trồng rừng sản xuất cả nước. Vùng có diện tích trồng rừng lớn nhất là Trung du và Miền núi phía Bắc đạt 33.858 ha, Bắc Trung Bộ 6.411 ha và Đồng Bằng sông Hồng 5.959 ha. Một số tỉnh miền Bắc có diện tích trồng rừng khá là Bắc Kạn 7.960 ha, Yên Bái 6.785 ha, Quảng Ninh 5.928 ha và Hòa Bình 3.932 ha... Bên cạnh việc trồng rừng, các tỉnh miền Bắc tiếp tục tiến hành thiết kế, lập hồ sơ trồng rừng, xử lý thực bì, làm đất, sản xuất và chăm sóc cây giống để phục vụ nhu cầu trồng rừng vụ xuân hè 2011. Ngoài ra, các địa phương tiếp tục tiến hành chăm sóc rừng trồng theo kế hoạch, khoán khoán nuôi tái sinh và giao khoán bảo vệ rừng tới các tổ chức, cá nhân.

Các tỉnh miền Nam: Do đang là mùa khô nên các tỉnh miền Nam chưa tiến hành trồng rừng nhiều. Tổng diện tích trồng rừng của miền Nam tính đến 20/6 đạt 7.540 ha. Một số tỉnh có diện tích trồng rừng khá là Đắk Lắk 4.600 ha, Khánh Hòa 660 ha... Trong kỳ, các địa phương tiếp tục triển khai trồng cây phân tán, bên cạnh đó các tỉnh này tiếp tục tiến hành lập hồ sơ thiết kế, chuẩn bị hiện trường cho kế hoạch trồng rừng năm 2011, tiếp tục chăm sóc cây giống cho kế hoạch trồng cây phân tán năm 2011.

Tình hình cháy rừng và chặt phá rừng

Tình hình phá rừng diễn ra rải rác tại hầu khắp các vùng, miền, tuy nhiên trọng điểm vẫn tập trung ở các tỉnh Miền núi phía bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; một số tỉnh có số vụ phá rừng và diện tích rừng bị phá tương đối lớn như: Lai Châu 48 vụ, 41 ha; Sơn La 553 vụ, 66,9 ha; Kon tum 442 vụ, 73,4 ha; Đắk Nông 186 vụ, 62 ha; Lâm Đồng 358 vụ, 153 ha; Bình Phước 205 vụ, 124 ha.... Tính chung 6 tháng đầu năm, xảy ra 2.909 vụ, diện tích bị phá 858 ha (bằng 85,27% so cùng kỳ năm trước).

Những tháng đầu năm thời tiết khô hạn kéo dài trên diện rộng nên nhiều địa phương có nguy cơ cháy rừng cao, tuy nhiên do các địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, đồng thời huy động lực lượng, kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống cháy rừng; mặt khác năm nay có mưa sớm hơn nên cũng giảm 10 bớt nguy cơ cháy rừng. Trong 6 tháng đầu năm, cháy rừng xảy ra 153 vụ, diện tích bị cháy 676 ha (bằng 10,65% so cùng kỳ năm trước).

c. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản sáu tháng đầu năm 2011 ước tính đạt 2510,8 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng cá đạt 1924,8 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm 214,7 nghìn tấn, tăng 5,3%.

Khai thác thủy sản

Theo báo cáo của các địa phương, 6 tháng đầu năm 2011 là thời điểm kết thúc vụ cá Bắc và bước vào sản xuất vụ cá Nam, thời tiết tương đối thuận lợi cho khai thác biển, cùng với việc triển khai các chương trình khuyến ngư năm 2011, bà con ngư dân đã tích cực triển khai đánh bắt hải sản. Nhìn chung sản lượng và hiệu quả khai thác thủy sản đạt khá, riêng các tàu công suất lớn làm nghề lưới vây, lưới càn, lưới cước, câu mực đạt sản lượng khá cao.

Sản lượng khai thác thủy sản tháng 6 ước đạt 222 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng khai thác thủy sản 6 tháng đầu năm đạt 1.251,9 ngàn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khai thác biển đạt 1.170,3 ngàn tấn và khai thác nội địa đạt 81,6 ngàn tấn.

Một số tỉnh có sản lượng đạt khá như Kiên Giang 197.527 tấn, Bà Rịa Vũng Tàu 133.215 tấn, Cà Mau 83.324 tấn, Bến Tre 61.5515 tấn, Bình Định đạt 61.000 tấn.

Nuôi trồng thủy sản

Ước sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 6 đạt 300 ngàn tấn, đưa sản lượng nuôi trồng 6 đầu năm lên 1.260 ngàn tấn, tăng 5,3% cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo của các địa phương từ đầu năm 2011 đến nay, nguồn cung cấp cá tra nguyên liệu luôn trong tình trạng thiếu hụt, các nhà máy chế biến thường phải hoạt động dưới công suất. Ngoài ra, nguồn cá giống không đủ đáp ứng nhu cầu nuôi, dẫn đến giá tăng; giá thức ăn nuôi cá cũng không ngừng leo thang, lãi suất ngân hàng ngày càng cao và nguồn vốn tín dụng rất khó tiếp cận. Những khó khăn ấy khiến người dân rất thận trọng khi quyết định đầu tư vào mùa vụ nuôi mới. Giá cá tra đột biến có lúc đạt mức đỉnh 29.000 đồng/kg. Tuy nhiên, tới thời điểm hiện nay giá cá tra tụt giảm mạnh, có nơi chỉ còn 24.000đ/kg khiến cho các hộ nuôi lại gặp nhiều khó khăn

d. Vốn đầu tư

Khối lượng thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ quản lý thực hiện tính đến hết tháng 6/2011 ước đạt 1.912,8 tỷ đồng, bằng 52,09% kế hoạch năm, trong đó:

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

- Vốn thực hiện đầu tư: ước đạt 1.841,5 tỷ đồng bằng 56,2% kế hoạch năm
- Đầu tư Thuỷ lợi: ước đạt 1.203,6 tỷ đồng, bằng 63,76 % kế hoạch năm;
- Đầu tư Nông nghiệp: ước đạt 421,5 tỷ đồng, bằng 60,13% kế hoạch năm;
- Đầu tư Lâm nghiệp: ước đạt 98,3 tỷ đồng, bằng 34,37% kế hoạch năm;
- Đầu tư Thuỷ sản: ước đạt 9,6 tỷ đồng, bằng 47% kế hoạch năm;
- Chương trình trọng điểm PT & ứng dụng CNSH: Ước đạt 16 tỷ đồng, bằng 53,33% kế hoạch năm;
- Khối Khoa học - Công nghệ: ước đạt 28,5 tỷ đồng, bằng 47,5% KH;
- Khối Giáo dục - Đào tạo: ước đạt 31,15 tỷ đồng, bằng 34,61% KH năm;
- Các ngành khác: ước đạt 48,8 tỷ đồng, bằng 24,36% kế hoạch năm.
- Vốn thực hiện theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể: Ước đạt 56,35 tỷ đồng bằng 19,57% kế hoạch năm.
- Vốn chuẩn bị đầu tư: ước đạt 15 tỷ đồng, bằng 39,47% kế hoạch năm

4. Hoạt động dịch vụ

a. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng sáu tháng đầu năm 2011 ước tính đạt 911,7 nghìn tỷ đồng, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 5,7%. Trong tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng sáu tháng đầu năm, kinh doanh thương nghiệp đạt 723,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,3% tổng mức và tăng 23,2%; dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 97,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,7% và tăng 19,6%; dịch vụ đạt 81,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 9% và tăng 22,3%; du lịch đạt 9,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 1% và tăng 19,1%.

b. Vận tải hành khách và hàng hoá

Vận tải hành khách sáu tháng đầu năm 2011 ước tính đạt 1351,5 triệu lượt khách, tăng 12,8% và 58,2 tỷ lượt khách.km, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Vận tải trung ương đạt 20,9 triệu lượt khách, tăng 8,9% và 13,6 tỷ lượt khách.km, tăng 11,2%; vận tải địa phương đạt 1330,6 triệu lượt khách, tăng 13,2% và 44,6 tỷ lượt khách.km, tăng 12%. Vận tải hành khách đường bộ sáu tháng ước tính đạt 1239,8 triệu lượt khách, tăng 13,2% và 43,5 tỷ lượt khách.km, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước; đường sông đạt 94,9 triệu

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

lượt khách, tăng 8,1% và 2 tỷ lượt khách.km, tăng 12,3%; đường hàng không đạt 7,6 triệu lượt khách, tăng 15,6% và 10,3 tỷ lượt khách.km, tăng 11,8%; đường biển đạt 3,3 triệu lượt khách, tăng 4,7% và 203,4 triệu lượt khách.km, tăng 5,6%; đường sắt đạt 5,9 triệu lượt khách, tăng 1,1% và 2,2 tỷ lượt khách.km, tăng 2%.

Vận tải hàng hóa sáu tháng đầu năm ước tính đạt 390,8 triệu tấn, tăng 11,1% và 109,6 tỷ tấn.km, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải trong nước đạt 368,2 triệu tấn, tăng 12,4% và 35,1 tỷ tấn.km, tăng 9,5%. Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 297,7 triệu tấn, tăng 12,8% và 15,9 tỷ tấn.km, tăng 10,9%; đường sông đạt 62 triệu tấn, tăng 7,4% và 8,6 tỷ tấn.km, tăng 7,7%; đường biển đạt 27,3 triệu tấn, tăng 3% và 82,8 tỷ tấn.km, tăng 4%; đường sắt đạt 3,8 triệu tấn, giảm 4,9% và 2,1 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

c. Bưu chính, viễn thông

Tổng số thuê bao điện thoại phát triển mới trong sáu tháng đầu năm 2011 ước tính đạt 4,7 triệu thuê bao, bằng 59,5% cùng kỳ năm trước, bao gồm 33,4 nghìn thuê bao cố định, bằng 26,3% và trên 4,6 triệu thuê bao di động, bằng 60%. Số thuê bao điện thoại cả nước tính đến cuối tháng 6/2011 ước tính đạt 128,1 triệu thuê bao, tăng 4,6% so với cùng thời điểm năm trước, bao gồm 15,5 triệu thuê bao cố định, tăng 0,7% và 112,6 triệu thuê bao di động, tăng 5,2%.

Số thuê bao internet trên cả nước tính đến cuối tháng 6/2011 ước tính đạt 3,9 triệu thuê bao, tăng 16,8% so với cùng thời điểm năm trước. Số người sử dụng internet tại thời điểm cuối tháng 6/2011 ước tính 30,1 triệu người, tăng 22,1% so với cùng thời điểm năm 2010. Tổng doanh thu thuần bưu chính, viễn thông sáu tháng đầu năm ước tính đạt 67,2 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước.

d. Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta sáu tháng đầu năm 2011 ước tính đạt 2965,8 nghìn lượt người, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng đạt 1773,4 nghìn lượt người, tăng 11,2%; đến vì công việc 493,3 nghìn lượt người, giảm 1,7%; thăm thân nhân đạt 512,9 nghìn lượt người, tăng 77,6%. Chia theo loại phương tiện, khách đến bằng đường hàng không là chủ yếu với 2494,3 nghìn lượt người, tăng 23,8%; đến bằng đường biển 19,5 nghìn lượt người, giảm 15,2%, đến bằng đường bộ 452 nghìn lượt người, giảm 4,5%.

Trong sáu tháng đầu năm nay, khách quốc tế đến nước ta từ hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ đều tăng so với cùng kỳ năm 2010, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 662,7 nghìn lượt người, tăng 51,5%; Hàn Quốc 261,8 nghìn lượt người, tăng 3,7%; Hoa Kỳ 238,7 nghìn lượt người, tăng 3,4%; Nhật Bản 235,4 nghìn lượt người, tăng 11,7%; Cam-pu-chia 207,4 nghìn lượt người, tăng 77,4%; Đài Loan 179,8 nghìn lượt người, tăng 8%; Ô-x-trây-li-a 152,3 nghìn lượt người, tăng 6,2%; Ma-lai-xi-a 115,8 nghìn lượt người, tăng 16,7%; Pháp 110,1 nghìn lượt người, tăng 8,5%; Xin-ga-po 86 nghìn lượt người, tăng 7,8%.

5. Xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ

a. Xuất khẩu hàng hoá

Kim ngạch xuất khẩu (KNXK) hàng hoá 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 42,3 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó yếu tố tăng do giá ước đạt 15,6% và yếu tố tăng do lượng ước đạt 14,7%, đạt 53% kế hoạch năm (kế hoạch năm 2011 là 79,4 tỷ USD). Trong đó:

- Xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 9,6 tỷ USD, tăng 44,7% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 23% trong tổng kim ngạch xuất khẩu chủ yếu do được lợi về giá, trừ mặt hàng gạo còn lại giá xuất khẩu tất cả các mặt hàng khác đều tăng, như: giá cà phê tăng 57,1%; hạt tiêu tăng 73,7%; cao su tăng 61,7%; hạt điều tăng khoảng 40,9%; chè tăng 4,2%, v.v... Do vậy, trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu thì đây là nhóm có tốc độ tăng KNXK cao nhất.

- Xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản, ước đạt 5,2 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 13% kim ngạch xuất khẩu. Cũng giống như nhóm hàng nông sản, thủy sản, xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu và khoáng trong 6 tháng đầu năm cũng được lợi về giá (dầu thô tăng 41%; than đá tăng 24,3%), nên mặc dù lượng xuất khẩu của mặt hàng dầu thô và than đá đều giảm nhưng KNXK của hai mặt hàng này vẫn tăng so với cùng kỳ (lần lượt là 26,2% và 1,7%), riêng quặng và khoáng sản khác tăng 55,5%.

- Xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến, nhiều mặt hàng có mức tăng trưởng cao, cao hơn tốc độ tăng trưởng KNXK chung như: sản phẩm hóa chất tăng 54,9%; chất dẻo nguyên liệu tăng 43%; túi xách, va li, mũ, ô dù, tăng 38,6%; giày dép các loại tăng 31%; sắt thép các loại tăng 49,3%... Bên cạnh đó mặt hàng máy vi tính và sản phẩm điện tử mặc dù có tốc độ tăng nhưng không đạt như kỳ vọng chỉ tăng 6,3%; Một số mặt hàng giảm, như: dây điện và cáp điện giảm 4,9%;

hoá chất giảm 8,7%; mặt hàng đá quý và kim loại giảm mạnh, giảm 32,1%; mây tre, cói thảm giảm 3%; thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh giảm 15,4%, v.v...

Về thị trường xuất khẩu: xuất khẩu sang các khu vực thị trường đều có mức tăng trưởng khá. Khu vực thị trường Châu Phi tuy có quy mô còn nhỏ nhưng tăng cao nhất, đạt 71%; Châu Á tăng 36,0% (trong đó: Trung Quốc tăng 56,6%; Nhật Bản tăng 32,4%; Hàn Quốc tăng 79,6%...); Khu vực Châu Mỹ tăng 21,3% (riêng Hoa Kỳ tăng 21,3%); Khu vực Châu Âu tăng 20,4% (trong đó, xuất khẩu sang thị trường các nước EU tăng mạnh nhất 49,1%); riêng thị trường Châu Đại dương giảm còn bằng 80,4% cùng kỳ do xuất khẩu dầu thô giảm.

b. Nhập khẩu hàng hoá

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt xấp xỉ 49 tỷ USD, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm trước (Phụ lục 6); trong đó: nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 21,4 tỷ USD, tăng 29,7%.

Về nhóm hàng nhập khẩu:

- Nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 41,2 tỷ USD, tăng 25,5% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 85% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Các mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh trong nhóm chủ yếu vẫn là các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, cụ thể như xăng dầu tăng 67,6%, tiếp theo là phân bón các loại (+48,3%), cao su các loại (+44,6%), giấy các loại (28,1%), bông (+103,6%), sợi các loại (+51,5%), vải (+38,1%), nguyên phụ liệu dệt may da giày (+20,8%), kim loại thường khác (+10,8%), v.v...

- Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt 1,44 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ, trong đó đá quý và các sản phẩm tăng 39%, linh kiện và phụ tùng xe máy tăng 15,6%, linh kiện và phụ tùng ô tô từ 9 chỗ trở xuống giảm 7,8%, v.v... Nguyên nhân nhóm này có mức tăng trưởng cao là do 6 tháng năm 2011, nhập khẩu vàng đạt 425 triệu USD, tăng 39% (6 tháng năm 2010 nhập khẩu vàng đạt 306 triệu USD).

- Nhóm hàng hạn chế nhập khẩu ước đạt 2,7 tỷ USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ, trong đó nhóm hàng tiêu dùng các loại giảm 3,4%, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 67,1%, v.v... Như vậy, so với mức tăng trưởng nhập khẩu bình quân 25,8%, nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu có mức tăng trưởng chậm lại hơn 5 tháng năm 2011 (6 tháng tăng 0,7%, 5 tháng tăng 8,5%).

Về thị trường nhập khẩu

- Theo số liệu chính thức 5 tháng:

+ Khu vực châu Á nhập khẩu là 32,5 tỷ USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ, trong đó các thị trường nhập khẩu chủ yếu vẫn là Asean 8,5 tỷ USD, tăng 36%, tiếp theo là Hàn Quốc là 4,9 tỷ USD, tăng 45,6%, Nhật Bản là 3,9 tỷ USD, tăng 19,2%, Đài Loan là 3,7 tỷ USD, tăng 37,3%, Trung Quốc là 9,1 tỷ USD, tăng 23,1%, v.v...

+ Khu vực châu Âu là 3,5 tỷ USD, tăng 4% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu từ Đức là 790 triệu USD, tăng 31,4%, Anh là 236 triệu USD, tăng 41,1%, v.v...

+ Khu vực châu Mỹ là 2,6 tỷ USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ, trong đó nhập khẩu từ Hoa Kỳ là 1,8 tỷ USD, tăng 26%, Braxin là 285 triệu USD, tăng 33,3%, v.v...

+ Khu vực châu Phi là 118 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ, trong đó nhập khẩu từ Nam Phi là 72 triệu USD, tăng 30,9%, v.v...

+ Khu vực châu Đại dương là 1,04 tỷ USD, tăng 68,7%, trong đó nhập khẩu từ Úc là 876 triệu USD, tăng 79,1%, New Zealand là 162 triệu USD, tăng 28,3%, v.v...

- Ước tính 6 tháng, nhập khẩu từ các nước khu vực Châu Á có quy mô kim ngạch lớn nhất, tăng 28,9%; tiếp đó, theo quy mô kim ngạch nhập khẩu giảm dần, từ Châu Âu tăng 8,1%; từ Châu Mỹ tăng 13,4%; từ Châu Đại dương tăng 62,7% và từ Châu Phi tăng 5,3% (Chi tiết xem Phụ lục 7).

Nhập siêu: Với tình hình xuất khẩu và nhập khẩu như trên, nhập siêu 6 tháng đầu năm 2011 ước khoảng 6,65 tỷ USD, bằng 15,7% kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn mức phấn đấu của Chính phủ (là 16%).

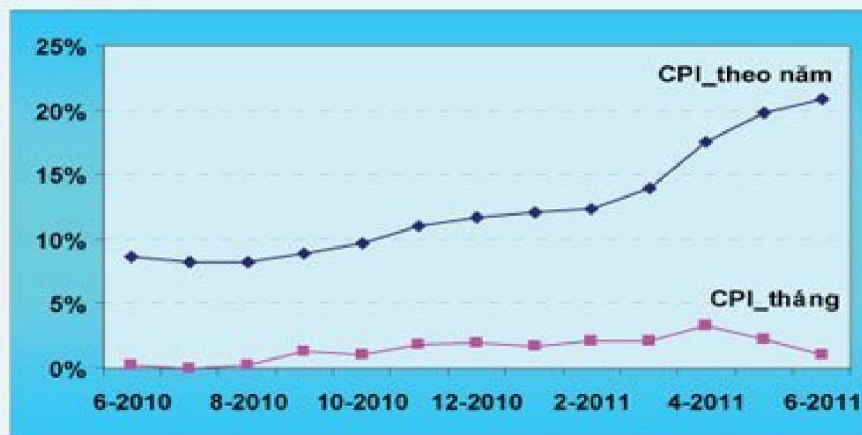
6. Chỉ số giá

a. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá tiêu dùng tháng Sáu mặc dù vẫn tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng đã chậm lại và là mức tăng thấp nhất trong sáu tháng đầu năm nay. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2011 tăng 1,09% so với tháng trước, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất với 1,79% (lương thực tăng 0,33%; thực phẩm tăng 2,47%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,16%); các nhóm hàng hoá và dịch vụ còn lại có mức tăng dưới 0,9% gồm: Văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,77%; đồ

uống và thuốc lá tăng 0,76%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,72%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,62%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,56%; giáo dục tăng 0,47%; giao thông tăng 0,39%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,25%; riêng chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,01%. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2011 tăng 13,29% so với tháng 12/2010 và tăng 20,82% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân sáu tháng đầu năm 2011 tăng 16,03% so với bình quân cùng kỳ năm 2010. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo tháng đã giảm liên tục trong ba tháng trở lại đây, từ 3,3% trong tháng 4 xuống 2,2% trong tháng 5 và 1,1% trong tháng 6. Nhìn vào xu thế này, nhiều người cho rằng lạm phát đang hạ nhiệt. Tuy nhiên, nếu nhìn vào mặt bằng giá - được phản ánh bằng CPI so với cùng kỳ năm trước (CPI theo năm) - thì bức tranh lạm phát không sáng sủa như vậy (xem biểu đồ). Cho đến thời điểm này, CPI theo năm đã lên tới gần 21%, sẽ còn tăng nhẹ trong tháng 7, tháng 8 và chỉ thực sự bắt đầu giảm từ tháng 9.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo tháng và so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dự báo cho sáu tháng cuối năm, ngay cả trong trường hợp tốt nhất thì CPI theo năm của tháng 12-2011 cũng khó có thể thấp hơn 15%, còn CPI trung bình trong năm cũng sẽ không dưới 17%. Điều này có nghĩa là các biện pháp kiềm chế lạm phát vẫn cần tiếp tục được áp dụng, ít nhất là trong vài tháng tới.

Cũng cần phải nói thêm rằng mặc dù thắt chặt tiền tệ là chính sách quan trọng để kiềm chế lạm phát, nhưng thắt chặt như thế nào cũng quan trọng không kém. Việc thắt chặt tiền tệ không có mục đích tự thân, mà quan trọng hơn là

thông qua chính sách này, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có thể điều tiết mức tín dụng của các ngân hàng trong nhóm rủi ro và nâng cao hiệu quả phân bổ tín dụng.

Rõ ràng là sức khỏe của các tổ chức tín dụng khác nhau, rủi ro tín dụng ở mỗi ngân hàng cũng khác nhau nên NHNN chỉ nên đảm bảo dư nợ trong tổng hệ thống ngân hàng không quá 20% và chia hệ thống ngân hàng ra thành các nhóm với mức độ với sự rủi ro và chất lượng khác nhau, để từ đó có những phương pháp quản lý thích hợp.

Lạm phát cao khiến cho NHNN, mặc dù đã phải sử dụng đến cả các biện pháp hành chính, vẫn chưa hạ được mặt bằng lãi suất như mong muốn. Đơn giản là vì với mức lạm phát như thế này, người gửi tiền không thể chấp nhận trần lãi suất huy động 14%/năm như hiện nay. Mặc dù đã có một số dấu hiệu cho thấy NHNN bắt đầu thực hiện chính sách tiền tệ “linh hoạt” hơn (theo cách nói của NHNN), nhưng nhìn chung cung tiền và tín dụng trong sáu tháng đầu năm được thắt khá chặt; cụ thể là cung tiền chỉ tăng 2,3%, còn tín dụng tăng 7,1% - thấp hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2010. Khi lượng tiền trong lưu thông và tín dụng bị thắt chặt trong một nền kinh tế luôn luôn khát vốn như Việt Nam thì tất nhiên là lãi suất sẽ bị đẩy lên cao.

Có vẻ như một “điểm sáng” trong điều hành chính sách tiền tệ là tỷ giá. Kể từ lần điều chỉnh lớn trong tháng 2, tỷ giá giữa thị trường chính thức và phi chính thức không có sự chênh lệch đáng kể và nhìn chung khá ổn định. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là nhờ vào việc thắt chặt tiền tệ, đồng thời nới rộng chênh lệch lãi suất giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam.

Tuy nhiên, với tình hình lạm phát được miêu tả ở trên, với thâm hụt ngân sách cao (trên dưới 6% GDP) và thâm hụt thương mại lớn (6,65 tỉ đô la), trong khi dấu hiệu của nguồn kiều hối và đầu tư nước ngoài lại có xu thế giảm, rõ ràng là tiền đồng vẫn đang chịu nhiều sức ép phải giảm giá, ít nhất là trong trung và dài hạn.

b. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng tháng 6/2011 tăng 0,36% so với tháng trước; tăng 5,18% so với tháng 12/2010 và tăng 36,33% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2011 giảm 0,78% so với tháng trước; tăng 0,24% so với tháng 12/2010 và tăng 9,49% so với cùng kỳ năm 2010.

c. Chỉ số giá sản xuất

Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản sáu tháng đầu năm nay tăng 27,57% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 9,51% so với quý trước và tăng 32,03% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp sáu tháng đầu năm 2011 tăng 16,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 7,37% so với quý trước và tăng 18,53% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất sáu tháng đầu năm 2011 tăng 18,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 7,76% so với quý trước và tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá cước vận tải sáu tháng đầu năm 2011 tăng 15,85% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 9,7% so với quý trước và tăng 22,25% so với cùng kỳ năm 2010.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá sáu tháng đầu năm 2011 tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 3,16% so với quý trước và tăng 13,99% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá sáu tháng đầu năm 2011 tăng 9,28% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá quý II/2011 tăng 2,26% so với quý trước và tăng 10,52% so với cùng kỳ năm 2010.

7. Đầu tư phát triển

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện sáu tháng đầu năm 2011 theo giá thực tế ước tính đạt 409,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và bằng 38,3% GDP, bao gồm vốn khu vực Nhà nước 141,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,4% tổng vốn và giảm 3%; khu vực ngoài Nhà nước 163 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,8% và tăng 14,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 105,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,8% và tăng 3,1%.

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện sáu tháng đầu năm ước tính đạt 73,7 nghìn tỷ đồng, bằng 38,8% kế hoạch năm và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2010, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 17,7 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4% kế hoạch năm và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Công Thương là 1612 tỷ đồng, bằng 39,5% và tăng 6,8%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 1912 tỷ đồng, bằng 52,1% và tăng 22,7%; Bộ Y tế 432 tỷ đồng, bằng 48,1% và tăng 3,9%; Bộ Xây dựng 242 tỷ đồng, bằng 24,7% và giảm

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

29,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 381 tỷ đồng, bằng 42,4% và tăng 2,7%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 260 tỷ đồng, bằng 46,6% và giảm 1,5%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 56 nghìn tỷ đồng, bằng 37,7% kế hoạch năm và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2010. Một số địa phương có khối lượng vốn đầu tư thực hiện lớn là: Hà Nội đạt 7444 tỷ đồng, bằng 37,1% kế hoạch năm và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2010; thành phố Hồ Chí Minh 6211 tỷ đồng, bằng 44% và tăng 12,5%; Đà Nẵng 3785 tỷ đồng, bằng 66% và tăng 3,6%; Thanh Hóa 2277 tỷ đồng, bằng 46,9% và tăng 11,9%; Quảng Ninh 2035 tỷ đồng, bằng 51,8% và tăng 6,4%; Cần Thơ 1596 tỷ đồng, bằng 57,1% và tăng 11,4%; Hậu Giang 1537 tỷ đồng, bằng 71,6% và tăng 10,9%.

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến 22/6/2011 đạt 5666,7 triệu USD, bằng 56,7% cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Vốn đăng ký 4399,2 triệu USD của 455 dự án được cấp phép mới (giảm 49,9% về vốn và giảm 30,1% về số dự án so với cùng kỳ năm trước); vốn đăng ký bổ sung 1267,5 triệu USD của 132 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện sáu tháng đầu năm ước tính đạt 5300 triệu USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2010.

Trong số các ngành kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sáu tháng đầu năm nay, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có số vốn đăng ký dẫn đầu với 3333,2 triệu USD, bao gồm 2666,7 triệu USD vốn đăng ký mới và 666,5 triệu USD vốn tăng thêm; ngành xây dựng đạt 474,8 triệu USD, bao gồm 333,2 triệu USD vốn đăng ký mới và 141,6 triệu USD vốn tăng thêm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đạt 322,7 triệu USD.

Sáu tháng đầu năm cả nước có 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép mới, trong đó thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về vốn đăng ký với 1422,7 triệu USD, chiếm 32,3% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là Bà Rịa-Vũng Tàu 468,1 triệu USD, chiếm 10,6%; Hà Nội 427,1 triệu USD, chiếm 9,7%; Ninh Thuận 266 triệu USD, chiếm 6%; Bắc Giang 254,5 triệu USD, chiếm 5,8%; Đà Nẵng 239,6 triệu USD, chiếm 5,4%.

Trong số 35 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam sáu tháng đầu năm, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 1236,2 triệu USD, chiếm 28,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu HC Hồng Kông (TQ) 533,8 triệu USD, chiếm 12,1%; Hàn Quốc 376,7 triệu USD, chiếm 8,6%; Ma-lai-xi-a 346,6 triệu USD, chiếm 7,9%; Vương quốc Anh 329,8 triệu USD, chiếm 7,5%; Nhật Bản 303,2 triệu USD, chiếm 6,9%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 261,8 triệu USD, chiếm 6%

II. Tin vắn

1. Mức tăng của CPI tháng 6 thấp nhất trong 6 tháng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 đã chạm đáy tăng của nửa đầu năm 2011, khơi dậy hy vọng mới về khả năng kiểm soát lạm phát

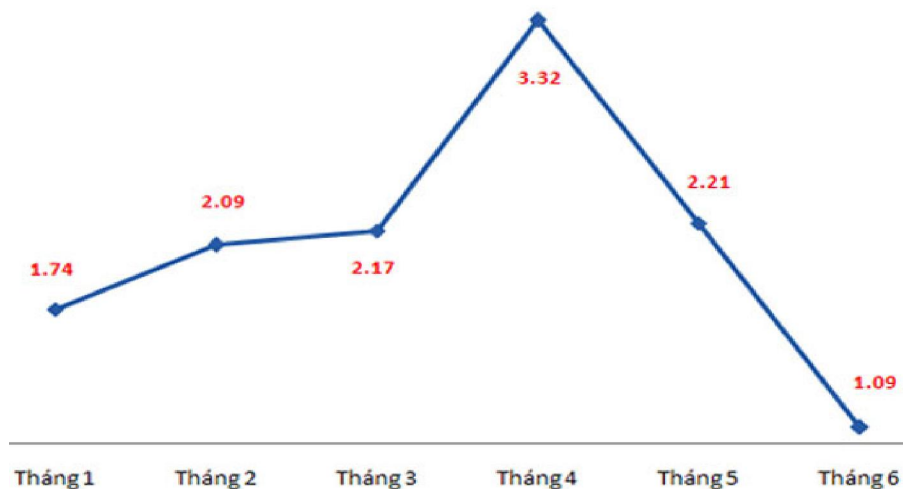
Không nằm ngoài dự đoán, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2011 chỉ còn tăng 1,09% so với tháng trước, bằng khoảng một nửa so với tốc độ tăng của tháng 5. Số liệu này vừa được Tổng cục Thống kê công bố chính thức.

Như vậy, chỉ số giá tiêu dùng đã có 2 tháng liên tiếp giảm tốc với biên độ đều thấp hơn tháng trước đó khoảng 1%. Đến tháng 6, CPI đã chạm đáy tăng của 6 tháng đầu năm 2011, khơi dậy hy vọng mới về khả năng kiểm soát lạm phát sẽ tốt hơn trong nửa còn lại của năm

Nhưng hiển nhiên là chỉ số giá tiêu dùng vẫn chưa trở lại với quy luật thông thường các năm kinh tế vĩ mô ổn định hơn trước đó. So với các tháng 6 của 15 năm gần đây, chỉ số giá tháng này chỉ còn thấp hơn tháng 6/2008, năm có lạm phát cao đột biến.

Ở các mức so sánh khác, so với tháng 12/2010, CPI tháng này đã tăng 13,29%, gần gấp hai lần so với lạm phát kế hoạch và đang tiến rất nhanh tới mục tiêu điều chỉnh 15% mới được Chính phủ đề cập cách đây khoảng 1 tháng; so với cùng kỳ đã tăng 20,82%, lần đầu tiên vượt qua mốc 20% trong năm nay.

CPI bình quân 6 tháng tăng 16,03% so với cùng kỳ năm trước, gấp gần 3 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP cùng thời kỳ, ước vào khoảng 5,6%. So với kỳ gốc 2009 đã tăng xấp xỉ 32%, cho thấy sức mua của tiền đồng đã mất đi nhanh chóng thế nào trong vòng 2 năm qua.



Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Nhìn lại diễn biến CPI 6 tháng đầu năm 2011, có 2 điểm đáng lưu ý: một là CPI không giảm hoặc tăng thấp ở tháng sau Tết Nguyên đán mà lên đến đỉnh của nửa đầu năm; hai là CPI giảm tốc rất nhanh, cả đỉnh và đáy đều nằm trong quý 2/2010.

Đường biểu diễn chỉ số giá tiêu dùng 6 tháng qua như một trò chơi lao dốc, bò lên chậm hơn ở bên này nhưng lao cắm đầu xuống mức thấp rất nhanh ở sườn bên kia. Mỗi dao động ở giai đoạn này đều gắn chặt với những thay đổi chính sách chóng mặt thời gian gần đây.

Cùng lúc Chính phủ “bung ra” một loạt chính sách điều chỉnh giá cả điện, xăng dầu, than... sau giai đoạn dài kìm nén, CPI tháng 4/2011 tăng đột biến và cao hơn cả tháng Tết nguyên đán trước đó. Tuy nhiên, ngay lập tức các giải pháp thắt chặt tiền tệ, tài khóa đã được áp dụng để hỗ trợ kiểm soát lạm phát.

Tổng phương tiện thanh toán M2 là chỉ tiêu đầu tiên được “soi” kỹ. Công bố mới nhất cho thấy, tính đến 10/6, tăng trưởng M2 mới đạt 2,33%, tương đương khoảng 1/5 con số cùng kỳ năm 2010, dù nửa đầu năm trước cũng là giai đoạn thực thi chính sách tiền tệ thận trọng. Tăng trưởng tín dụng tương ứng cũng mới đạt 7,05%, chỉ bằng khoảng 2/3 so với cùng thời điểm của năm 2010.

Phía cung chịu ảnh hưởng mạnh của loạt điều chỉnh lớn này. Một con số tham khảo là gần 79 nghìn tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước hút ròng qua OMO trong khoảng thời gian Tổng cục Thống kê thu thập số liệu tính CPI tháng 6.

Nhìn vào tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tốc độ tăng đã loại trừ yếu tố giá mấy tháng gần đây đã thấp hơn hẳn so với cùng kỳ các năm trước.

Trong khi đó, chi phí đầu vào sản xuất có chu kỳ tăng lên rất cao. Điện, xăng dầu, gas kéo dài sức ảnh hưởng suốt giai đoạn quý 2/2011. Gạo, thịt, cá, rau quả các loại cũng liên tục làm “đảo điên” chỉ số giá lương thực, thực phẩm

Doanh nghiệp thì chịu thêm chí phí vốn, lao động và tỷ giá làm tăng giá thành nguyên liệu nhập khẩu. Nền sản xuất cũng vào vòng quay khó khăn hơn. Tăng trưởng sản lượng toàn bộ nền kinh tế 6 tháng năm 2011 đuối hơn cùng kỳ năm trước. Thành thử, giá cả lại một lần nữa chịu thêm tác động từ nguồn cung hạn chế.

Tuy nhiên, áp lực lên giá kéo dài đến tháng này đã gần cạn. CPI nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống vẫn còn tăng cao nhưng đã thấp hơn rất nhiều so

với mấy tháng trước. Nhóm giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng không còn bám sát ở Top sau.

Còn một lưu ý nữa, các nhóm khác vẫn tăng đều và có ít cách biệt so với trước, đưa đến khả năng CPI giảm sâu tiếp khó hiện thực. Điện đang “dọa” tăng tiếp, xăng dầu thì khó giảm... Kỳ vọng CPI tháng tới, có lẽ nên ở mức thấp hơn tháng này là hợp lý.

2. World Bank dự báo Việt Nam tăng trưởng 6,7% giai đoạn 2011-2013.

Theo WB, Việt Nam phải kiểm soát được đà phục hồi kinh tế khi kết thúc các biện pháp kích thích tài chính, trong lúc áp lực lạm phát gia tăng.

Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu vừa công bố của World Bank dự báo, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ ở mức trung bình 6,7% trong giai đoạn 2011-2013.

Dù triển vọng tăng trưởng đáng khích lệ này, các nhà hoạch định chính sách cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức gay gắt trong thời gian tới. Họ phải bảo đảm sự phục hồi vẫn đi đúng hướng sau khi các biện pháp kích thích tài khóa đang dần kết thúc trong lúc áp lực lạm phát gia tăng.

Theo World Bank, mặc dù Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã thắt chặt chính sách tiền tệ vào tháng 2, việc tăng giá bán lẻ nhiên liệu và điện có thể tiếp tục làm tăng áp lực lạm phát, giảm giá tiền đồng.

Sau khi tăng trưởng 5,3% trong năm 2009, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng 6,8% trong năm 2010 - tốc độ tăng nhanh nhất trong vòng 3 năm qua.

Sự phục hồi nhanh chóng này là do cầu trong nước tăng mạnh mẽ, mức độ đầu tư cao hơn nhờ có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng và sự hồi sinh mạnh mẽ trong xuất khẩu khi nhu cầu toàn cầu được hồi phục.

Trước đó, tại cuộc họp báo của Hội nghị các nhà tài trợ (CG) giữa kỳ, ông Deepak Mishra, kinh tế trưởng World Bank tại Việt Nam cho rằng, trong tháng 6 này, lạm phát sẽ lên mức cao nhất với 22% và giảm xuống đến 15% vào tháng 12/2011.

Tăng trưởng cả năm có thể sẽ gần hoặc thấp hơn mức mục tiêu mà Chính phủ đặt ra. Thâm hụt tài khoản vãng lai tăng, nhưng không đáng lo ngại.

Đến năm sau, nền kinh tế sẽ tốt hơn, tuy nhiên, tăng trưởng vẫn ở mức thấp hơn so thời kỳ trước khi xảy ra khủng hoảng . Sau 2012 sẽ đạt được tăng trưởng 7,5%.

Trong phiên họp thường kì tháng 5, Chính phủ đã tán thành với Hội đồng Tài chính tiền tệ quốc gia về mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2011 là 6% và kiềm chế lạm phát ở mức 15%.

3. Bộ Công Thương: Chưa tăng giá điện, kiềm chế nhập siêu

Ngày 6/6, tại hội nghị giao ban của Bộ Công Thương về tình hình công tác tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2011, Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng đã nhấn mạnh ba vấn đề.

Thứ nhất, chưa tăng giá điện từ 1/6. Thứ hai, là kiên quyết thực hiện các giải pháp mạnh để kiềm chế nhập siêu. Thứ ba, ngành công thương sẽ phối hợp với các cơ quan hữu quan đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp để đảm bảo duy trì sản xuất, kinh doanh.

Theo ông Dương Quang Thành, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tình hình cung ứng điện tháng 5 và 5 tháng đầu năm đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu của nền kinh tế và đời sống xã hội. Tính đến thời điểm này, lượng nước về các hồ thủy điện đều cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Với hai kiến nghị của EVN, gồm kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định 24 về giá điện theo cơ chế thị trường và kiến nghị đưa phần lỗ của EVN trong năm 2010 được hạch toán vào năm 2012, Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng đã đồng ý về mặt chủ trương, nhưng đồng thời, ông khẳng định sẽ không thực hiện tăng giá điện từ 1/6 tới, để tránh lạm phát có nguy cơ tăng cao do giá điện tăng.

Bộ trưởng Hoàng cũng đề nghị EVN không tiết giảm điện trong tháng 6 và huy động tối đa các nguồn điện để cung cấp điện tốt nhất trong mùa khô.

Những mặt hàng trong diện bình ổn thị trường như xăng dầu, sắt thép, phân bón... đều đảm bảo duy trì nguồn cung ổn định trong tháng 5/2011. Tuy nhiên, với diễn biến tình hình hiện nay, bà Phạm Thị Thu Hà, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro Vietnam) đã khuyến nghị các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu chủ động xây dựng kế hoạch nhập khẩu và kinh doanh, trong giai đoạn nhà máy lọc dầu Dung Quất tạm dừng để bảo dưỡng

tổng thể vào tháng 7, nhất là để ứng phó với những phát sinh không lường trước được trong quá trình bảo dưỡng.

Trong khi đó, bà Đàm Thu Huyền, Phó tổng giám đốc Tổng công ty Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tỏ rõ những quan ngại về diễn biến thị trường trong tháng 6 và trong thời gian tới. Theo phân tích của bà, kinh doanh dầu diesel hiện đang trở về đúng tình trạng của năm 2008. Hiện mặt hàng này đã có lãi nên các doanh nghiệp đầu mối khác đang tích cực nhập hàng về khiến cho kế hoạch kinh doanh của Petrolimex bị ảnh hưởng, lượng tiêu thụ diesel của Petrolimex đang bị sụt giảm mạnh (trước đó, kinh doanh dầu diesel bị lỗ nhưng Petrolimex vẫn phải đảm bảo cung ứng đủ cho thị trường).

Vị Phó tổng giám đốc Petrolimex cũng nêu một nguy cơ: có thể xăng dầu sẽ chảy ngược về Việt Nam do giá tại các nước lân cận đã giảm gần như bằng nhau, thậm chí giá tại Việt Nam còn cao hơn.

Để tránh nguy cơ này, đồng thời giải quyết được vấn đề các doanh nghiệp đầu mối phải tham gia đồng đều vào thị trường, đại diện của Petrolimex đã một lần nữa đề xuất Bộ Tài chính sử dụng một công cụ điều hành bằng quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Về kiểm soát nhập siêu, Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng đã đánh giá cao hai văn bản mà bộ này mới ban hành, gồm Thông báo 197 quy định cảng nhập khẩu mỹ phẩm, điện thoại di động và rượu chỉ được nhập khẩu qua các cảng Hải Phòng, Tp.HCM và Đà Nẵng; và Thông tư 20 quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu ô tô dưới 9 chỗ ngồi.

Theo Bộ trưởng Hoàng, các văn bản này “không phải sản phẩm riêng của Bộ Công Thương, mà cả các bộ ngành liên quan như Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Hải quan... Đây là những biện pháp cần thiết, phù hợp với cam kết gia nhập WTO, không chỉ giúp hạn chế nhập siêu mà còn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Do vậy, những biện pháp này sẽ không chỉ được thực hiện trước mắt mà sẽ vận dụng lâu dài”.

4. Bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn rình rập

(VEF.VN) - Bất ổn nằm ở sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong điều hành của Chính phủ, mà nguồn gốc sâu xa là do cách nhìn nhận về ổn định vĩ mô. Nếu tính lạm phát theo tháng thì đang xuống nhưng theo năm thì

lạm phát vẫn tăng cao. – TS. Lê Xuân Nghĩa phân tích tại hội thảo về bất ổn kinh tế vĩ mô ngày 28/6.

Cuộc hội thảo mang tên "Bất ổn kinh tế vĩ mô và tác động phúc lợi, kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam" do Văn phòng Chính phủ và Ngân hàng thế giới tại Việt Nam hôm 28/6 đã trở thành một diễn đàn nóng cho các nhà quản lý và chuyên gia kinh tế bình luận về hiệu ứng của Nghị quyết 11.

Lạm phát chỉ nên 5%

Đánh giá độc lập về ổn định kinh tế vĩ mô sau 4 tháng thực hiện Nghị quyết 11, vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ cho rằng, nền kinh tế đã có nhiều tín hiệu tích cực. Lạm phát và mặt bằng lãi đang theo xu hướng giảm, nhập siêu cũng giảm, xuất khẩu tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, cơ quan này nhìn nhận, mức lạm phát và số tuyệt đối của nhập siêu vẫn cao. Trên thực tế, khu vực sản xuất kinh doanh cũng phải chịu tác động xấu, lợi nhuận một bộ phận doanh nghiệp đã bị sụt giảm, một số doanh nghiệp rơi vào tình trạng thua lỗ và phải thu hẹp quy mô.

Ông Đỗ Ngọc Huỳnh, chuyên gia Vụ Kinh tế tổng hợp bản khoản: "Nếu tiếp tục thắt chặt chính sách tài chính tiền tệ quá mức không cần thiết thì sẽ ảnh hưởng lớn với đời sống sản xuất và lại tạo ra sự bất ổn. Để lạm phát từ nay tới cuối năm giảm thì mặt bằng lãi suất cần phải hạ hợp lý trong quý 4 năm nay, làm sao để khu vực sản xuất kinh doanh vay vốn có duy trì được lợi nhuận.

"Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã cố gắng trong khó khăn, chia sẻ cùng Chính phủ. Nhưng về dài hạn, nếu ta cứ duy trì sự căng thẳng như hiện nay, nền kinh tế sẽ có nguy cơ bất ổn vĩ mô trong thời gian tiếp theo. Chính phủ sẽ cần có độ điều chỉnh lại cho hợp lý", ông Huỳnh nói.

Tiến sĩ Võ Trí Thành, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu kinh tế Trung ương thẳng thắn: "Nếu nhìn vào chỉ số của Tổng Cục thống kê thì tình hình không đến nỗi tệ. Khó khăn có thể là ở khu vực nhỏ nào đó."

Nhưng, cũng như ông Huỳnh, vị chuyên gia này cũng cho rằng: "Nghị quyết 11 là một bức tranh khó phân định. Thị trường trong và ngoài nước phản ứng tích cực đối với Nghị quyết 11 nhưng mức độ nghi ngờ còn rất cao. Ví dụ sóng động nhất là người dân dịch chuyển từ USD sang tiền đồng, chủ yếu là ngắn hạn. Chỉ số đánh giá hàng ngày đối với biến động vĩ mô của Việt Nam trên thị trường quốc tế đã giảm đôi chút sau Nghị quyết 11 ban hành nhưng từ cuối

tháng 5 trở lại đây lại tăng mạnh. Thứ hạng về tín nhiệm tài chính Việt Nam vẫn giữ nguyên mức thấp."

Đề xuất tới một nền tảng ổn định lâu dài, hai vị chuyên gia đều có chung một con số: lạm phát trong trung và dài hạn chỉ nên khoảng 5%.

Theo TS Thành phân tích, lạm phát quá cao thì tăng trưởng không thể cao hơn, lạm phát thấp thì tăng trưởng tốt, nhưng lạm phát là bao nhiêu là tốt? Trước đây các nghiên cứu cho rằng, lạm phát Việt Nam 9% là mức không gây giảm tốc độ tăng trưởng của Việt Nam, nhưng với bối cảnh mới, nền kinh tế có độ mở của Việt Nam thì giờ, phải thấp xuống, chỉ nên là 5-6%.

Kiên định cải cách tập đoàn và minh bạch tài chính công

Trong các đánh giá của ông Lê Xuân Nghĩa, Phó Chủ tịch Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô nằm tập trung ở khu vực DNNN và ngân hàng.

Điểm đầu tiên ông than phiền là sự thiếu minh bạch trầm trọng trong khu vực ngân hàng và tài chính công hiện nay.

Ông nói: "Trong hệ thống ngân hàng, lãi suất méo mó một cách khủng khiếp, không còn là đường cong lãi suất nữa. Một thực tế đáng buồn là các ngân hàng thương mại còn thích các công cụ hành chính vì dễ vô hiệu hóa, ví dụ như trần lãi suất, hạn mức tín dụng. Giờ muốn sử dụng công cụ có tính thị trường hơn thì các ngân hàng phản đối vì họ không thể trốn tránh, không thể không minh bạch. Đó là một nguy cơ lớn."

Cộng hưởng với sự tiêu cực trên là sự đình trệ các chương trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước. "Cách đây khoảng 1 năm, không ai nói đến cổ phần hóa hay tái cấu trúc các Tập đoàn, không ai nói minh bạch hóa tài chính trong Tập đoàn. Các Tập đoàn kinh tế hoạt động rất kém hiệu quả mà tới nay, vẫn chưa có cơ chế nào kiểm soát chặt chẽ và minh bạch tài chính của họ", ông Nghĩa nhấn mạnh.

Theo vị chuyên gia này, tài chính của Tập đoàn Nhà nước xấu sẽ ảnh hưởng lớn tới nợ công Việt Nam. Ba năm vừa qua, tốc độ tăng nợ công ở Việt Nam bằng 7-8 năm trước đó, chi phí vay nợ công ngày càng lớn, lãi suất ngày càng nặng.

Tình trạng đô-la hóa và vàng hóa khá nghiêm trọng kể cả trong và ngoài hệ thống ngân hàng mà việc điều hành vô cùng phức tạp. Người dân có thể nhảy

từ ngoại tệ sang nội tệ, từ nội tệ sang vàng, từ trong hệ thống ngân hàng ra ngoài. Hệ thống giám sát tài chính của Việt Nam còn vô vàn vấn đề, hiệu quả thấp và đe dọa kinh tế vĩ mô với bộ ba khủng hoảng: khủng hoảng tiền tệ, vàng và nợ ở Việt Nam.

"Ta phải tính toán lại chính sách kinh tế vĩ mô theo thông lệ quốc tế, hiện đại để đạt đúng bản chất kinh tế có hiệu quả dài hạn", ông Nghĩa nói.

Trong dòng câu chuyện về những thách thức này, TS Võ Trí Thành nói: "Có ba lẽ mà chúng ta phải chờ đợi thêm để đánh giá tín hiệu tích cực của Nghị quyết 11. Trong quá khứ, Việt Nam hứa nhiều mà làm chưa được hoàn hảo. Thứ hai là chuyển giao quyền lực, phối hợp và thực hiện có thể chưa tốt. Thứ ba là liệu ta có vượt qua lợi ích nhóm để vì mục tiêu chung là ổn định, tạo nền tảng tốt cho tăng trưởng và tái cấu trúc lại nền kinh tế Việt Nam không? Tiếng kêu khó khăn đã làm động lòng rất nhiều nhà làm chính sách."

Liều lượng can thiệp bao nhiêu là đủ?

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, Viện trưởng Viện chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho rằng, để đem lại kết quả lâu dài từ Nghị quyết 11, với mỗi một công cụ tiền tệ, tài khóa, lãi suất, sự thành công còn phụ thuộc vào mức độ liều lượng can thiệp của Ngân hàng Nhà nước đến đâu, thời điểm can thiệp như thế nào là hợp lý và mục tiêu lựa chọn điều hành như thế nào nhất quán đảm bảo công cụ đó thành công.

Việt Nam đã có bài học xương máu ở 2 năm 2008-2009, Chính phủ thay đổi mục tiêu liên tục từ chống lạm phát rồi chống suy giảm, chính sách tiền tệ đi theo lúc nới lỏng, lúc thắt chặt nên hiệu quả không cao. Hậu quả là lạm phát năm 2011 là cao, sự ổn định thị trường có vấn đề.

Đến năm 2011, trong ba vấn đề tỷ giá, lãi suất, tăng trưởng tín dụng quan hệ mật thiết với nhau, Ngân hàng trung ương đã chọn ổn định thị trường ngoại hối là chủ đạo, được sự ủng hộ cao của Chính phủ, các bộ ngành đều tập trung tham gia, ngoài ra thanh tra giám sát chặt ngoại hối, thị trường vàng, tỷ giá có dấu hiệu tốt lên. Giữa lãi suất và tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Trung ương đã chọn công cụ kiểm soát tăng trưởng tín dụng nên hiệu quả đã tích cực hơn.

Tuy nhiên, điểm cuối cùng theo TS Lê Xuân Nghĩa lưu ý, bất ổn nằm ở sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong điều hành của Chính phủ, mà nguồn gốc sâu xa là do cách nhìn nhận về ổn định vĩ mô.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

"Chỉ đơn giản như việc chúng ta cứ bắn khoăn mãi về lấy căn cứ chỉ số lạm phát, là tính theo tháng hay theo năm. Ví dụ theo tháng là lạm phát đang xuống nhưng theo năm thì lạm phát vẫn tăng cao, đang lên. Nếu tính lạm phát theo tháng thì tưởng là ổn rồi, lại nói lỏng chính sách tiền tệ và sau đó, tất cả những gì ta thất vọng trước đó sẽ trở nên vô nghĩa, lạm phát lại bùng trở lại", ông Nghĩa dẫn chứng.

CPI tháng 6 chỉ tăng 1% so với mức tăng khoảng 12% của 5 tháng trước. Xuất khẩu trở thành điểm sáng khi tăng tới 30%, gấp 3 lần kế hoạch, đưa tỷ trọng nhập siêu chỉ còn khoảng 16%/tổng kim ngạch xuất khẩu. Tỷ giá và thị trường ngoại hối được bình ổn, dự trữ ngoại tệ tăng và không còn khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá tự do (dao động trong khoảng 20.500-20.700 VND/USD). Thu ngân sách được duy trì, cắt giảm đầu tư công khoảng 9% GDP. Đặc biệt, đà tăng trưởng ở các ngành vẫn được duy trì như GDP cả nước ước 5,6%, nông nghiệp 1,9%, công nghiệp và xây dựng 6,6%, dịch vụ 6,3%. 6 tháng đầu năm, đã tạo việc làm cho trên 750.000 người, xuất khẩu lao động khoảng 43.000 người.

5. Nói chỉ tiêu lạm phát lên 17%

Trong báo cáo gửi Thường vụ Quốc hội tại phiên họp sáng nay, Chính phủ một lần nữa đề xuất nói chỉ tiêu lạm phát cả năm lên không quá 17% sau khi vừa điều chỉnh lên mốc 15% cách đây tròn một tháng.

Trước đó, tại Nghị quyết thường kỳ tháng 5, Chính phủ từng thống nhất mục tiêu kiểm soát chặt chẽ hơn, ở mức 15%. Tuy nhiên, tại Báo cáo về tình hình kinh tế 6 tháng, được Bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư Võ Hồng Phúc trình bày sáng 30/6, chỉ tiêu này tiếp tục được đề xuất điều chỉnh.

Theo nhận định của Chính phủ, kinh tế thế giới 6 tháng cuối năm sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Trong khi đó, kinh tế trong nước mới thu được những kết quả bước đầu về ổn định kinh tế vĩ mô. Lạm phát tuy có chiều hướng hạ nhiệt trong những tháng gần đây nhưng kết thúc 6 tháng, CPI đã lên tới 13,29%.

Trong 6 tháng cuối năm, Chính phủ sẽ tiếp tục ưu tiên thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, trước sức ép từ thị trường trong nước – quốc tế cũng như con số lạm phát thực tế nêu trên, Chính phủ đề xuất nói chỉ tiêu CPI định hướng của cả năm lên mức 15-17%.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

“Trên thực tế thì việc đạt được mục tiêu 15-17% cũng rất khó khăn. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn đề xuất con số này để làm mục tiêu phấn đấu”, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Võ Hồng Phúc cho biết. Ông từng nói về điều này khi trao đổi với VnExpress tuần trước.

Cũng theo nhận định của người đứng đầu Bộ Kế hoạch & Đầu tư, chỉ số giá tiêu dùng, tuy đã bắt đầu hạ nhiệt, nhưng sẽ tiếp tục giữ đà tăng cho đến hết quý III. CPI có thể giảm trong tháng 10 và 11 nhưng sẽ tăng trở lại trong tháng 12 do tác động của quy luật tiêu dùng cuối năm. Do vậy, theo Bộ trưởng Võ Hồng Phúc, lạm phát năm nay, khả dĩ nhất cũng sẽ ở mức 17-18%.

Ngoài chỉ tiêu lạm phát, trong báo cáo gửi Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chính phủ tiếp tục duy trì các mục tiêu quan trọng khác như phấn đấu tăng GDP năm 2011 ở mức 6%, giữ nhập siêu không quá 16% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm bội chi ngân sách dưới 5% GDP...

Đánh giá về kết quả điều hành kinh tế - xã hội 6 tháng cũng như những giải pháp đề ra, thay mặt Thường vụ, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đánh giá cao việc điều hành quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ thể hiện ở những kết quả bước đầu đạt được trong bối cảnh kinh tế thế giới còn khó khăn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ủy ban Kinh tế cho rằng tình hình kinh tế - xã hội cũng nổi lên nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt đối với nhiệm vụ kiềm chế lạm phát. Theo Chủ nhiệm Ủy ban Hà Văn Hiến, việc CPI 6 tháng vượt xa mục tiêu 7% phê duyệt cho cả năm là rất đáng lo ngại. Thực tế này đã tác động tiêu cực đến sản xuất – kinh doanh, đời sống nhân dân, đặc biệt là 4,6 triệu hộ nghèo và cận nghèo (chiếm hơn 22% dân số cả nước).

Về nguyên nhân, Ủy ban Kinh tế cho rằng bên cạnh những yếu tố khách quan, các vấn đề chủ quan xuất phát từ nội tại nền kinh tế (thâm hụt thương mại lớn, bội chi ngân sách cao nhiều năm, hiệu quả đầu tư thấp...) là nguyên nhân chính. Ngoài ra, việc điều chỉnh tăng giá một số hàng hóa thiết yếu, tăng tỷ giá USD, tăng lãi suất liên ngân hàng... cũng tác động lớn lên lạm phát.

Trong 6 tháng còn lại, Ủy ban Kinh tế đề xuất Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, thận trọng và chính sách tài khóa chặt chẽ để kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô. Ngoài ra, để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng đề ra, Chính phủ cũng cần có giải pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận vốn, giảm thuế...

Về việc điều chỉnh mục tiêu lạm phát của Chính phủ, Phó chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đề nghị các đại biểu cân nhắc khả năng đưa ra một văn bản chính thức của Quốc hội về các chỉ tiêu của năm 2011. Văn bản này, nếu có, sẽ được báo cáo và thông qua tại kỳ họp Quốc hội tới đây.

6. Bộ Công Thương quyết 'trói', xe 'lướt' hết cửa về VN.

(VEF.VN) - Bộ Tài Chính đã đề nghị Bộ Công Thương nên “mở đường thoát” cho các doanh nghiệp ô tô trót ký hợp đồng nhập khẩu trước ngày 12/5, ngày Thông tư 20 ban hành song Bộ Công Thương cho biết còn phải xem xét kỹ. Những ngày này, hàng loạt rắc rối mới về nhập khẩu ô tô vẫn tiếp tục phát sinh.

Bộ Tài Chính xin mở, bộ Công Thương quyết trói

Trước khi Thông tư 20 quy định mới về thủ tục nhập khẩu ô tô có hiệu lực, ngày 26/6, các doanh nghiệp ô tô đều làm căng, gửi đơn kiến nghị tập thể xin lùi thời hạn thực hiện, xin đối thoại với bộ Công Thương. Đến nay, các nhà nhập khẩu đã nhún một bước, chỉ kiến nghị ở cấp độ tối thiểu nhất là đối với hợp đồng ký trước khi Thông tư 20 ban hành, đã chuyển tiền cho đối tác thì xin được áp dụng quy định cũ.

Trao đổi với PV Diễn đàn Kinh tế Việt Nam, báo VietNamNet, Thứ trưởng Bộ Tài chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn chia sẻ: "Chúng tôi ủng hộ việc ban hành Thông tư 20 song chính sách nào cũng cần chấp nhận có độ trễ nhất định, có giai đoạn chuyển tiếp."

Ông cho biết: "Vừa qua, Bộ Tài chính đã bày tỏ quan điểm chính thức với Bộ Công thương bằng văn bản liên quan đến Thông báo 197 và Thông tư 20 áp dụng các thủ tục nhập khẩu mới. Chúng tôi cho rằng, những hợp đồng nhập ô tô đã ký trước ngày 12/5, doanh nghiệp đã chuyển tiền rồi, đã thanh toán cho đối tác rồi thì có thể cho phép thông quan, nhưng hiện bộ Công Thương chưa hồi âm".

Trả lời bản khoản này, Thứ trưởng Nguyễn Thành Biên cũng thừa nhận: "Trước mắt chúng tôi chưa cho thông quan một lô nào."

"Hiện nay, Bộ vẫn đang rà soát, xem xét kỹ các hóa đơn chứng từ liên quan đến ký kết hợp đồng, chứng từ giao hàng đặc biệt là chứng từ thanh toán. Chúng tôi phải phối hợp với cơ quan chức năng, hệ thống ngân hàng, thanh

toán, hải quan và các cơ quan khác xử lý từng vụ việc cụ thể. Mọi việc vẫn đang trong quá trình xem xét", ông Biên nhấn mạnh.

Song lý giải về sự im hơi lặng tiếng trước các kiến nghị của doanh nghiệp, vị lãnh đạo này phân bua: "Chúng tôi sẽ có hồi âm nhưng nếu bây giờ hồi âm chưa đi vào thực chất vấn đề thông quan cho doanh nghiệp thì tôi nghĩ rằng chưa làm thỏa mãn cho doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi muốn có ý kiến đi vào thực chất vấn đề chứ không phải hồi âm mang tính chất hình thức".

Xe chạy lướt sẽ hết cửa về Việt Nam?

Trong khi chờ đợi sự xem xét của Bộ Công Thương, hàng loạt rắc rối mới "hậu" Thông tư 20 của các doanh nghiệp vẫn tới tấp được gửi đến Bộ này. Nhiều trường hợp nhập xe siêu sang nhập đơn lẻ hoặc là loại xe "chạy lướt" (xe đã chạy dưới 10.000 km) cũng có nguy cơ hết cửa về.

Công ty ô tô Bảo Tín Sơn Tùng cho biết, hiện đơn vị đang tồn tới 14 hợp đồng nhập khẩu ô tô hạng sang, đã chuyển xong tiền từ trước ngày 12/5. Khi Thông tư 20 ban hành, nhà nhập khẩu này đã hết sức cố gắng đẩy các lô hàng về sớm trước ngày 26/6 nhưng thời gian quá gấp, các xe vẫn không thể về kịp.

Đại diện công ty này than thở: "Chúng tôi đang bị kẹt cứng. Nay, đã gần tới lúc phải giao hàng, chúng tôi đứng trước nguy cơ phải hoàn trả lại tiền cho khách và kèm theo, còn bị khách phạt vi phạm hợp đồng. Với đối tác nước ngoài, chúng tôi cũng không thể hủy đơn hàng khi mà tiền đã chuyển cho họ và là đơn đặt riêng."

"Cũng vì là xe theo sở thích cá nhân nên thời gian đặt hàng bao giờ cũng lâu, khách đều phải trả tiền trước. Trong số đơn hàng tồn, có tới 6 hợp đồng đã ký và chuyển tiền từ tháng 8 đến tháng 11 năm ngoái. Nếu bị phạt, tổng giá trị lên tới vài triệu USD", nhà nhập khẩu này lo lắng.

Nói thêm về việc xin giấy ủy quyền của chính hãng, vị đại diện cho biết: "Chúng tôi hiện kinh doanh tới 5 thương hiệu xe sang như Rolls Royce Phantom, Bentley, Renault... Không ai có thể đi cấp giấy ủy quyền cho một công ty phân phối 5 hãng xe khác nhau được".

Mới đây, công ty Đệ Nhất Auto cũng tức tốc gửi văn bản khiếu nại một trường hợp lô hàng 4 chiếc xe Kia Morning. Đây là lô xe đã được đăng ký, sử dụng và hủy đăng ký tại Hàn Quốc trước khi được làm thủ tục xuất khẩu về Việt Nam. Tuy nhiên, cả 4 chiếc xe này lại có thời gian đăng ký dưới 6 tháng, chạy

dưới 10.000 km, nếu chiếu theo đúng Thông tư 31/2006 thì không đủ điều kiện là xe cũ. Cũng vì lẽ này, bộ Công Thương đã yêu cầu công ty Đệ Nhất phải có giấy ủy quyền phân phối chính hãng mới được cấp giấy phép nhập khẩu tự động.

Đại diện công ty này cho biết, thực tế vừa qua, loại xe này khi nhập khẩu đều được hiểu và thể hiện bằng văn bản là xe đã qua sử dụng. Việc này đều ghi trên kết quả kiểm hóa, tên gọi trên hệ thống của cơ quan Hải quan, trên biên bản kiểm tra cũng như kết quả kiểm tra của cơ quan Đăng kiểm. Sự khác biệt ở đây chỉ là cách áp dụng chính sách thuế cho loại xe này lại giống như xe chưa qua sử dụng.

"Nếu giờ, Bộ Công Thương đòi chúng tôi phải áp dụng theo hình thức như nhập khẩu xe mới, rất bất hợp lý ở chỗ, các hãng ô tô không thể nào cấp loại giấy ủy quyền phân phối cho loại xe đã sử dụng rồi, họ chỉ còn nghĩa vụ bảo hành", đại diện công ty này phân tích.

Tuy nhiên, trước vấn đề này, Thứ trưởng Nguyễn Thành Biên thẳng thắn: "Nếu xe đã lưu hành, lăn bánh không đảm bảo yêu cầu xe mới nguyên chiếc thì vẫn nhập khẩu được. Nếu muốn nhập khẩu theo hình thức xe đã qua sử dụng thì công ty phải đáp ứng được yêu cầu tiêu chí xe đã qua sử dụng, như là đi 10.000 km, lưu hành 6 tháng tối thiểu. Chúng tôi không thể nào giải quyết yêu cầu lờ lợ không ăn nhằm vào một quy định nào."

Có lẽ, các vướng mắc về nhập khẩu ô tô này rất khó mà được giải quyết một sớm một chiều theo mong muốn của giới doanh nghiệp. Với lượng xe ô tô nhập khẩu dưới 9 chỗ trong 6 tháng qua đã tăng tới 67% về lượng, Bộ Công Thương canh cánh nỗi lo phải giảm nhập siêu dưới 16% giá trị kim ngạch xuất khẩu, e là sẽ khó mở cửa nhân nhượng các nhà nhập khẩu dù cho, ô tô không phải là "tội đồ" duy nhất của vấn nạn nhập siêu.

7. Lao động di cư nặng gánh hai vai

Chỉ tính riêng trong nước đã có khoảng 12-16 triệu người chuyển chỗ ở. Thế nhưng, hầu hết đều chưa có hợp đồng lao động và không được đóng góp chế độ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Vấn đề đảm bảo sức khỏe cho lao động nhập cư đang bị bỏ ngỏ.

90% lao động nhập cư không có BHXH

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Chị Phạm Thu H. là nhân viên kế toán cho một công ty tư nhân trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tính đến nay đã là năm thứ 5 liên tiếp làm việc cho công ty này nhưng khi hỏi đến chế độ bảo hiểm và các khoản hỗ trợ khác thì chị vẫn lắc đầu ngán ngẩm. Thậm chí đến hợp đồng lao động chị cũng không có nốt.

“Mỗi khi ốm đau vào viện thì “tiền núi cũng lở”, động đến cái gì mình cũng không có. Đem vấn đề ra thắc mắc thì chủ cứ lần nữa, không biết đến khi nào, nhân viên luôn trong tình trạng thấp thỏm “thôi thì đã chờ đành chờ cho chót”.

Đa số lao động di cư lên các thành phố lớn chủ yếu vì lý do kinh tế những mong có dịp đổi đời. Thế nhưng chất lượng cuộc sống của họ liệu đã thực sự thay đổi?.

Theo bà Nguyễn Thị Kim Tiến, Thứ trưởng Bộ Y tế, ước tính có khoảng 12 đến 16 triệu người VN đã chuyển chỗ ở. Tại các đô thị, có khoảng 30% người nhập cư và phần lớn trong số họ nhập cư vì lý do kinh tế. Ngoài ra, hiện tại VN có trên 500.000 người đang sống và lao động tại hơn 40 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới, chưa kể các đối tượng khác nằm trong diện di cư ra nước ngoài như SV, xuất cảnh đoàn tụ gia đình hay do hôn nhân...

Tuy nhiên, đa phần trong số họ không được quan tâm đến việc nâng cao sức khỏe. Chỉ tính riêng Hà Nội chỉ có 11% người nhập cư có hợp đồng lao động, chủ yếu là các nhóm nhỏ làm việc trong nhà máy, xí nghiệp, công ty. Thống kê mới đây của Bộ Y tế thì chỉ có 30% trong nhóm doanh nghiệp tư nhân có bảo hiểm y tế cho người lao động; có đến 90% người nhập cư nội địa không có bảo hiểm xã hội; nhiều đối tượng nhập cư thường làm việc 14-15 tiếng/ngày, cả 7 ngày/tuần và sống trong môi trường không đảm bảo vệ sinh vì thu nhập quá thấp.

Do tính chất di chuyển nên việc sử dụng bảo hiểm y tế gặp không ít khó khăn. Bệnh nhân chỉ được thanh toán 30% chi phí khám chữa bệnh nếu không khám và chữa bệnh tại nơi đăng ký ban đầu đã tạo nên gánh nặng kinh tế rất lớn cho người nhập cư. Mặt khác, trong kế hoạch bao phủ bảo hiểm y tế, nhóm lao động tự do lại được xếp sau cùng trong lộ trình ưu tiên trong khi nhóm này tập trung rất lớn người nhập cư. Điều này khiến cho gánh nặng bệnh tật ngày một gia tăng.

Di dân “gánh” theo bệnh tật

TS. Trần Thanh Dương, Phó cục trưởng Cục Y tế dự phòng (Bộ Y tế) cho rằng, di dân dưới mọi hình thức (có tổ chức hay tự do) đều góp phần gia tăng bệnh tật như sốt rét, tiêu chảy, sốt xuất huyết. Ô nhiễm môi trường, điều kiện vệ

sinh yếu kém... cũng là một trong những nguyên nhân hàng đầu phát sinh, lây lan nhanh chóng một số bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm như tả, thương hàn, tay – chân – miệng.

Cuộc sống của người di cư hầu như chưa ổn định và chưa được chăm sóc đầy đủ so với người dân sống tại địa phương. Ông Dương dẫn chứng, chương trình phòng chống lao quốc gia, người di dân hầu như không được tiếp cận, không được hưởng quyền lợi từ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe do họ không là dân thường trú. Hệ thống phát hiện và điều trị lao ở địa phương tuy có hiệu quả cho cư dân nông thôn nhưng không hoạt động tốt cho những người sống bên ngoài vị trí hành chính đã được đăng ký thường trú.

“Bệnh nhân mắc và tử vong do sốt rét ở dân di cư thường cao hơn dân địa phương. Nguy cơ phơi nhiễm với một số bệnh trong đó có bệnh truyền nhiễm cao hơn gấp nhiều lần so với dân sống định cư”- ông Dương cho hay.

Vì vậy, ông Dương khuyến nghị, cần tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho lao động di cư bằng các biện pháp phát tài liệu, tờ rơi hoặc ít nhất là nói chuyện trực tiếp. Đồng thời cần tiến hành các nghiên cứu về sức khỏe đối với các nhóm di dân để có kế hoạch tuyên truyền và can thiệp có hiệu quả giúp nâng cao và cải thiện sức khỏe cho dân di cư. Kiểm soát chặt chẽ các đối tượng nhập cảnh qua cửa khẩu, kịp thời phát hiện bệnh truyền nhiễm do người nhập cư, nhập cảnh mang đến từ nơi có dịch bệnh...

8. Xuất khẩu 6 tháng đầu năm tăng gấp 3 lần chỉ tiêu.

(Tamnhin.net) - Tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2011 tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước và gấp hơn 3 lần chỉ tiêu kế hoạch đã được Quốc hội thông qua (10%), đặc biệt, nhập siêu tháng 6/2011 ước đạt 0,4 tỷ USD, bằng 5,1% kim ngạch xuất khẩu, đây là tỷ lệ nhập siêu thấp nhất trong vòng 6 tháng qua.

Theo Vụ trưởng Vụ xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) Phan Văn Chinh, trong tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, có hai điểm đáng chú ý là tốc độ tăng về giá (15,4%) và tăng về lượng (14,6%) đều tăng tăng mạnh. Nếu trừ yếu tố xuất khẩu vàng thì tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng tăng 33,4%.

Đáng chú ý, nếu như năm 2010 chỉ có 9 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, 6 tháng đầu năm nay có thêm 2 mặt hàng tham gia “câu lạc bộ 1 tỷ USD” là cao su và cà phê.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Với dự báo xuất khẩu hàng hóa cả năm 2011 có thể đạt khoảng 84,5 – 85,5 tỷ USD, tăng 17 – 18,4% so với năm 2010, Bộ Công Thương cho biết mục tiêu Quốc hội đề ra cả năm tăng trưởng trên 10% (tức 79,4 tỷ USD) nằm trong tầm tay.

Với kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 42,3 tỷ USD thì 6 tháng cuối năm kim ngạch xuất khẩu của cả nước sẽ phải đạt khoảng 42,2 – 43,2 tỷ USD.

Bộ Công Thương nhận định, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu cả nước vẫn diễn biến theo chiều hướng tích cực. Trong đó, nhóm hàng nông sản, thủy sản dự báo giá xuất khẩu vẫn giữ ở mức cao, nhưng có thể sẽ không cao như 6 tháng đầu năm. Lượng xuất khẩu khó có khả năng tăng, nên 6 tháng cuối năm dự kiến kim ngạch xuất khẩu của nhóm này đạt khoảng 9,2 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt khoảng 19 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng khoảng 22,5%.

Đối với dầu thô, dự kiến giá dầu thô xuất khẩu sẽ không tăng cao như những tháng đầu năm, nên kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu và khoáng sản dự kiến đạt khoảng 5,3 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch cả năm đạt 10,6 tỷ USD, tăng khoảng 8,2% so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 12,5%.

Riêng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp chế biến sẽ tiếp tục có tốc độ tăng trưởng sẽ cao hơn các tháng đầu năm.

Các mặt hàng như dệt may, giày dép, đồ gỗ, linh kiện điện tử, máy tính, dây cáp điện, sản phẩm cơ khí... sẽ tăng trưởng do nhu cầu của thị trường.

Những tháng cuối năm sẽ là giai đoạn gấp rút để hoàn thành đơn hàng xuất khẩu nên kim ngạch nhóm hàng này 6 tháng cuối năm sẽ đạt khoảng 25 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch cả năm đạt 45 tỷ USD, tăng 16,3% so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng khoảng 53,3%.

Còn lại là kim ngạch xuất khẩu của các nhóm hàng hóa khác khoảng 10 tỷ USD, bằng năm 2010 và chiếm tỷ trọng khoảng 11,7%.

Mặc dù đạt được những thành tích ấn tượng trong xuất khẩu, nhưng theo đánh giá của Bộ Công Thương thì lãi suất và giá cả một số mặt hàng như điện, xăng dầu, sắt thép vẫn tăng cao.

Cơ cấu tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu vẫn chưa đồng đều, lượng nhập khẩu vẫn tập trung mạnh vào nhóm nguyên nhiên vật liệu trong khi giá đầu vào của nhóm này đang tăng mạnh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề nhập siêu trong thời gian tới.

Hiệp hội Thép Việt Nam cũng kiến nghị, với hơn 30 doanh nghiệp sản xuất thép cán xây dựng và 20 doanh nghiệp thép phi thi lượng thép đang dư thừa khá lớn (khoảng 800 tấn thép cán nguội), nếu không xuất khẩu được sẽ gây gánh nặng cho nhập siêu.

Trong các thị trường nhập khẩu thì châu Á vẫn là thị trường chủ yếu, lên tới 32,5 tỷ USD trong sáu tháng đầu năm. Trong đó, thị trường ASEAN là 8,5 tỷ USD, tăng 36%, tiếp theo là Hàn Quốc là 4,9 tỷ USD, tăng 45,6%, Nhật Bản là 3,9 tỷ USD, tăng 19,2%, Đài Loan là 3,7 tỷ USD, tăng 37,3% và Trung Quốc là 9,1 tỷ USD, tăng 23,1%.

Theo dự báo của Bộ Công thương, nhập khẩu sáu tháng cuối năm khoảng 49,5-50,5 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu của cả năm đạt khoảng 99,0 tỷ USD. Ước tính lượng nhập siêu cả năm 2011 sẽ vào khoảng 14-14,5 tỷ USD, bằng 15,7% kim ngạch xuất khẩu.

Trong số các giải pháp để đạt được mục tiêu này, Bộ Công Thương chú trọng vào việc kiểm soát chặt các mặt hàng xa xỉ và làm tốt công tác cấp phép tự động đối với một số mặt hàng trong nước sản xuất được.

Ông Nguyễn Tiến Vy cho biết hiện các cơ quan chức năng đang đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát chặt các mặt hàng xa xỉ như: điện thoại di động, rượu, mỹ phẩm chỉ được thực hiện tại 3 cảng quốc tế chính là Hải Phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, với thông tư số 20/2011/TT-BCT của Bộ Công Thương có hiệu lực (ngày 26/6) quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu ô tô chở người loại từ 9 chỗ ngồi chở xuống, kim ngạch nhập khẩu ô tô nguyên chiếc sẽ giảm khá mạnh.

Ước tính số lượng nhập khẩu xe nguyên chiếc dưới 9 chỗ ngồi đã giảm từ 5.300 chiếc trong tháng Năm xuống còn 4.800 chiếc trong tháng Sáu, đạt kim ngạch 85 triệu USD.

9. Tổng quan kinh tế 6 tháng: “Sáng” trong khó khăn.

“Thực tế cho thấy tăng trưởng GDP 6 tháng ở mức 5,57% là có cố gắng. Nó có tác động từ loạt chính sách chúng ta điều hành”

“Thực tế cho thấy tăng trưởng GDP 6 tháng ở mức 5,57% là có cố gắng. Nó có tác động từ loạt chính sách chúng ta điều hành, tôi cho là phù hợp, trúng và đúng”.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Đỗ Thúc đã nhìn nhận như vậy về tình hình nền kinh tế nửa đầu năm 2011, tại buổi họp báo công bố số liệu kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2011, do cơ quan này tổ chức chiều 29/6.

Tăng trưởng hợp lý

Chia sẻ quan điểm của lãnh đạo trực tiếp, Vụ trưởng Vụ thống kê Công nghiệp (Tổng cục Thống kê) Phạm Đình Thúy cho rằng, Việt Nam là một trong số ít nước chịu tác động ít hơn về mặt kinh tế.

“Chính phủ và các cấp, các ngành đã có nhiều giải pháp hỗ trợ, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa để tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất. Thêm nữa, hiện nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là Nhật Bản đang đánh giá tốt về môi trường đầu tư Việt Nam, coi đây là nơi đầu tư tốt”, ông nói.

Cân đối giữa chỉ tiêu “được” và “mất”, Vụ trưởng Vụ Hệ thống tài khoản Quốc gia Hà Quang Tuyến cho rằng, mặc dù 6 tháng đầu năm 2011 nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng không đạt mục tiêu như tăng trưởng GDP, lạm phát, thâm hụt thương mại, thu hút FDI... nhưng nền kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý, quý sau tăng hơn quý trước.

Chỉ số giá tiêu dùng đã tăng chậm lại và có xu hướng giảm dần, an sinh xã hội có chuyển biến tích cực. Trong đó một số ngành, lĩnh vực có điều kiện như lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp khai thác, giáo dục đào tạo, y tế vẫn có mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước.

“Mặt khác, giữ được mức tăng trưởng hợp lý mới đảm bảo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp còn 2,58% (năm 2010 là 4,1%), tỷ lệ thiếu việc làm 3,9%, người dân có thu nhập để trang trải cho đời sống trong bối cảnh giá cả tăng cao”, ông cho hay.

Về điểm này, Tổng cục trưởng Đỗ Thúc đồng tình rằng, tỷ lệ thất nghiệp giảm là diễn biến tích cực trong bức tranh kinh tế năm nay. Trong điều kiện khó khăn như vậy, đời sống người dân vẫn được đảm bảo. “Có thể nói là bức tranh sáng trong điều kiện khó khăn”, ông khẳng định vậy.

Trái chiều công nghiệp, dịch vụ

Khác với nhìn nhận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại một báo mới đây, rằng khu vực sản xuất kinh doanh đã và đang chịu ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất cao; lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp sụt giảm, một số doanh nghiệp làm ăn

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

thua lỗ và phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Tổng cục Thống kê cho rằng các doanh nghiệp công nghiệp vẫn đang phát triển tốt.

Ông Thúy dẫn chứng từ kết quả điều tra trên 4.000 doanh nghiệp lớn cho biết, số lượng doanh nghiệp toàn nền kinh tế so với năm ngoái đã tăng 21,2% trong khi bình quân giai đoạn 2005 - 2011 tăng 20,8%/năm. Về vốn đầu tư, các chỉ tiêu tăng tương ứng là 34,7% và 35,2%; về doanh thu, tăng 28% và 26%/năm.

“Đây là số liệu minh chứng cho sự đầu tư và phát triển trong hệ thống doanh nghiệp vẫn ổn định và ngày càng tăng”, ông Thúy khẳng định.

“Kết quả sản xuất là tăng. Đương nhiên là có khó khăn mới giảm hơn năm ngoái, không có khó khăn thì phải hơn năm ngoái”, Tổng cục trưởng Đỗ Thức bình luận thêm.

Còn theo ông Thúy, doanh nghiệp Việt Nam đến 80% là vừa và nhỏ, phát triển linh hoạt; họ có thể đóng cửa lĩnh vực này nhưng mở ở lĩnh vực khác chứ không chịu ngồi yên.

Hơn nữa, trong tình hình khó khăn hiện nay doanh nghiệp cũng không thể đóng cửa, ngừng sản xuất dù chi phí đầu vào tăng, lãi suất tăng, dù lợi nhuận giảm hoặc không tăng bởi vì họ vẫn hy vọng thời gian tới sẽ có cơ hội tiếp tục phát triển và cũng để giữ quan hệ với khách hàng.

Tuy nhiên, trái với kết quả ngành công nghiệp kể trên, với các ngành dịch vụ, Phó tổng cục trưởng Nguyễn Bích Lâm cho biết, tăng trưởng ngành này hầu hết là giảm, trong đó đặc biệt là ngành xây dựng và bất động sản.

Vụ trưởng Tuyển dẫn giải, trong 21 ngành cấp 1, xây dựng và kinh doanh bất động sản tăng trưởng thấp hơn cả. “Chúng tôi dự tính tăng trưởng 6 tháng 2011 ngành xây dựng đạt khoảng 4,26%, trong khi đó 6 tháng 2010 là 10,86%. Tức là chưa bằng một nửa năm ngoái”, ông Tuyển cho hay.

Vị này cho rằng, nguyên nhân là do chính sách tài khóa thắt chặt, trong đó là cắt giảm đầu tư mà chủ yếu là đầu tư công, đã ảnh hưởng đến đóng góp của ngành này vào tăng trưởng GDP.

Riêng với ngành kinh doanh bất động sản, ông Tuyển cho biết, tình hình khá hơn ở các tháng đầu năm, nhưng kể từ tháng 4 đến nay, tăng trưởng giảm hơn do chính sách thắt chặt tiền tệ và kinh doanh bất động sản được cho là phi sản xuất nên bị hạn chế cho vay tín dụng.

Mặc dù cũng đánh giá tình hình là khả quan, Phó tổng cục trưởng Lâm lưu ý thêm rằng, tăng trưởng GDP theo giá thực tế lên đến 25%, trong khi giá trị gia tăng chỉ đạt mức 5,57% là có yếu tố giá tác động mạnh. Chỉ số giá GDP tăng tới 18,5% so với cùng kỳ năm trước.

Những nghiên cứu của cơ quan này trước đây cũng cho thấy, hiệu quả sản xuất có xu hướng giảm. Điều này chưa thể đo đếm trong số liệu 6 tháng đầu năm nay, nhưng cũng là chuyện cần lưu ý.

10. Cung ứng điện được đảm bảo trong 6 tháng cuối năm.

Theo tính toán của Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công Thương, cung ứng điện sáu tháng cuối năm tiếp tục được đảm bảo với nhiều yếu tố thuận lợi.

Các hồ chứa thủy điện chuyển sang giai đoạn mùa lũ sẽ nâng cao khả năng phát điện của các nhà máy thủy điện. Các nhà máy nhiệt điện than mới đưa vào vận hành ở miền Bắc như Cẩm Phả, Quảng Ninh, Hải Phòng và Sơn Động sau khi được khắc phục các khiếm khuyết kỹ thuật đã vận hành ổn định hơn.

Bên cạnh đó, các nguồn điện mới dự kiến vào vận hành đúng tiến độ với tổng công suất trên 2.000MW sẽ bổ sung cho hệ thống điện quốc gia; đồng thời, nhập khẩu điện dự kiến vẫn duy trì ở mức cao.

Để đảm bảo cung ứng điện trong sáu tháng cuối năm, Bộ Công Thương yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) bố trí kế hoạch hợp lý và rút ngắn thời gian bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy phát điện nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của việc ngừng vận hành các tổ máy.

Bên cạnh huy động cao các nguồn nhiệt điện than, nhiệt điện khí, kể cả các nguồn điện chạy dầu FO, DO (nếu cần) để đáp ứng đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế-xã hội và đời sống nhân dân, Bộ cũng yêu cầu EVN và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam chuyển đổi chạy dầu các tổ máy tuabin khí của cụm nhà máy Phú Mỹ-Bà Rịa, Nhơn Trạch, Cà Mau trong trường hợp thiếu khí Nam Côn Sơn và PM3.

Mặt khác, EVN triển khai thực hiện Quy trình vận hành liên hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang và Thác Bà trong mùa lũ năm 2011 theo quyết định của chính phủ; đồng thời xây dựng phương án vận hành tối ưu các hồ thủy điện miền Trung và miền Nam, đảm bảo nguyên tắc vừa chống lũ an toàn, vừa nâng cao hiệu ích phát điện trong năm nay và chuẩn bị cho mùa khô năm tới.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Bộ Công Thương cũng đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố phối hợp với các tổng công ty điện lực, công ty điện lực tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, sử dụng điện hợp lý và hiệu quả.

Theo Cục Điều tiết điện lực, sáu tháng đầu năm nay, tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện đạt khoảng 52,4 tỷ kWh, tăng 10,42% so với cùng kỳ năm trước./.

11. 6 tháng đầu năm: Ký kết 22 hiệp định vay nợ, viện trợ.

Theo Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, tính đến thời điểm 18/06/2011, đã ký kết 22 hiệp định vay nợ, viện trợ với tổng trị giá cam kết của các hiệp định đạt 1.263,41 triệu USD. Chi tiết các Hiệp định vay nợ, viện trợ đã ký trong 6 tháng đầu năm 2011 như sau:

STT	Tên Hiệp định vay/viện trợ	Trị giá
I.	<i>Đàm phán (i)</i>	1.245
1.	2 Hiệp định vay Quỹ Saudi cho dự án Bệnh viện Bắc Kạn và Trường dạy nghề Ninh Thuận	20
2.	Hiệp định vay WB cho dự án Hỗ trợ xử lý rác thải y tế	150
3.	Hiệp định vay ADB tăng vốn Thủy lợi Phước Hòa	60
4.	Hiệp định vay WB cho dự án Giao thông đô thị Hải Phòng	175
5.	Hiệp định vay ADB cho dự án Đường sắt đô thị Hà Nội đoạn Nhổn – Ga Hà Nội	300
6.	Hiệp định vay ADB cho dự án Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội	190
7.	Hiệp định vay WB Khoản vay Cải cách đầu tư công II;	350
II.	<i>Ký kết (ii)</i>	1.263,41
8.	2 Hiệp định vay Nhật Bản cho 2 dự án đường cao tốc	420
9.	Hiệp định vay Hàn Quốc cho dự án Cầu Vàm Cống	200
10.	Hiệp định vay Quỹ Kuwait cho dự án Phát triển nông thôn Hà Tĩnh	15
11.	Hiệp định vay Trung Quốc cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	80
12.	Hiệp định vay IFAD cho dự án Hỗ trợ Tam nông	55
13.	Hiệp định vay OFID cho dự án Y tế Việt Nam	22,5
14.	Hiệp định vay ADB cho dự án Phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mêkông giai đoạn 2	27
15.	Hiệp định vay vốn KfW cho Chương trình tín dụng Nauy	49,01
16.	Hiệp định tài trợ Metro tuyến 2 (HCM)-Tranch I vay KfW	40,36
17.	Thoả ước vay AFD cho Hạn mức tín dụng thứ 2 dành cho Công ty đầu tư tài chính nhà nước TPHCM	28,83
18.	Chương trình Đào tạo nghề của Đức	14,42
19.	Thoả thuận tài trợ của Canada cho Chương trình Hỗ trợ Ứng phó với Biến đổi khí hậu	4,59
20.	Hiệp định tài trợ Metro tuyến 2 (HCM)-Tranch II vay KfW	306,70
Tổng trị giá đàm phán, ký kết (i)+(ii)		2.508,41

Nguồn: Bộ Tài Chính

Áp dụng các phương thức đàm phán thông qua thư điện tử, trực tiếp đàm phán và thông qua đại sứ quán, việc ký kết các hiệp định vay ODA, các hiệp định vay ưu đãi và vay thương mại để cho vay lại đối với các dự án đầu tư quan trọng cũng đang trong quá trình đàm phán, đến tháng 6/2011, 02 Hiệp định vay ưu đãi của China Eximbank cho dự án Nhiệt Điện Mạo Khê và dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân II với trị giá gần 750 triệu USD đã được đàm phán và ký kết.

Ngoài ra, trong năm nay, một số hiệp định vay ưu đãi với trị giá lớn đang được đàm phán bao gồm: Hiệp định vay Cộng hòa Liên bang Nga cho dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận với trị giá dự kiến 7,7 tỷ USD, Hiệp định vay Nhật Bản cho dự án Nhà máy điện hạt nhân số 2; triển khai đàm phán vay theo hình thức OCR của ADB, IBRD; hoàn chỉnh thủ tục để ký kết Hiệp định vay bổ sung 100 triệu USD trong khoản tín dụng khung với Chính phủ Israel.

12. Chỉ có 60% doanh nghiệp đang thực sự hoạt động.

Chủ tịch VCCI cho biết, vốn vào DN ngành cao su, hạt điều.. khá dồi dào, trong khi các DN vừa và nhỏ không tiếp cận được nguồn vốn vay.

Nhiều doanh nghiệp đang tiếp cận nguồn vốn tín dụng rất thuận lợi, thậm chí còn được ngân hàng “mời” vay nhiều hơn nhu cầu thực...

Đây là thông tin được Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Vũ Tiến Lộc đưa ra tại cuộc họp của Ủy ban Kinh tế cuối tuần qua, khi việc tiếp cận vốn đang được xem là vấn đề nan giải của đại đa số doanh nghiệp.

Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình bày tại cuộc họp này cũng đưa ra nhận định doanh nghiệp đang khó khăn trong việc vay vốn và mặt bằng lãi suất cao đang vượt quá khả năng chịu đựng của một bộ phận doanh nghiệp.

Đây được xem là nguyên nhân khiến cho lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp sụt giảm, một số doanh nghiệp thua lỗ và phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2011, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn đăng ký và tăng thêm) chỉ đạt 95% so với cùng kỳ 2010 và tổng số vốn đăng ký mới của doanh nghiệp dân doanh trong nước cũng giảm 5,4%. Tuy nhiên số doanh nghiệp đăng ký mới tăng 4% so với cùng kỳ với khoảng 39.000 doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, vốn FDI chỉ đạt 95% so với cùng kỳ 2010 và tổng số vốn đăng ký mới của doanh nghiệp dân doanh trong nước cũng giảm 5,4%.

Tuy nhiên số doanh nghiệp đăng ký mới tăng 4% so với cùng kỳ với khoảng 39.000 doanh nghiệp.

Chỉ có trên 60% doanh nghiệp đang hoạt động, tương đương khoảng 360 - 370 nghìn DN.

Về số lượng doanh nghiệp đăng ký mới, ông Lộc bình luận rằng “dù khó khăn nhưng doanh nghiệp vẫn tin tưởng vào triển vọng phát triển”.

Nhưng vị Chủ tịch VCCI cũng nhấn mạnh, “điều rất đáng lo nghĩ là số lượng doanh nghiệp đang thực sự hoạt động. Từ trước đến nay các báo cáo chỉ công bố số doanh nghiệp đăng ký, nhưng thực tế thì chỉ có trên 60% doanh nghiệp đang hoạt động, các kết quả điều tra đều cho thấy như vậy”, ông Lộc quả quyết.

Tính toán theo tỷ lệ này, ông Lộc đưa ra con số hiện chỉ có từ 360.000 - 370.000 doanh nghiệp đang thực sự hoạt động trên tổng số 580.000 doanh nghiệp được thể hiện trên báo cáo.

Sự biến động này, theo ông Lộc là số liệu rất quan trọng để hoạch định chính sách. Song, “dù các đồng chí lãnh đạo rất quan tâm là bao nhiêu doanh nghiệp đã phải dừng hoạt động nhưng con số đó thì chỉ có Bộ Tài chính mới báo cáo được dựa trên thực tế doanh nghiệp đã đóng thuế thu nhập đầu năm nay”.

Nếu cung cấp được cho Quốc hội số đó thì rất là tốt, Chủ tịch Vũ Tiến Lộc nói thêm.

Không dẫn số liệu cụ thể, song thông tin được ông Lộc khá chắc chắn khi cung cấp đó là số doanh nghiệp đang phải ngừng hoạt động, giải thể, phá sản đã tăng gấp đôi 6 tháng đầu năm ngoái. Kéo theo đó là số dự án đầu tư dài hạn phải dừng lại, phải “đắp chiếu” vô thời hạn cũng tăng theo với số lượng không nhỏ.

Thực trạng này, theo ông Lộc có lý do từ kênh cung cấp vốn yếu, khi ngân hàng hầu như không có vốn dài hạn, còn vốn ngắn hạn thì lãi suất quá cao. Nếu vay vốn với lãi suất trên 20% thì lợi nhuận phải trên 30% mới chịu được. Mà như vậy chỉ có thể quay vòng rất nhanh nên rất khó đầu tư cho sản xuất, ông Lộc phân tích.

Vậy nhưng, Chủ tịch VCCI cũng cho biết, vẫn có một khu vực doanh nghiệp hầu như không bị ảnh hưởng bởi tình hình lãi suất cao và hạn chế tín dụng hiện nay, là những doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu.

“Rất nhiều doanh nghiệp mà chúng tôi đã gặp trong ngành cao su, hạt điều... đều bảo rất dễ dàng tiếp cận vốn ngân hàng, thậm chí các ngân hàng tìm đến họ chứ họ không phải tìm đến ngân hàng” - ông Lộc cung cấp thêm thông tin - thậm chí các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu có thể vay ngoại tệ mà ngoại tệ thì mức lãi suất chỉ từ 5% - 6%/năm.

Chủ tịch VCCI cũng đưa ra đề nghị ngân hàng “kiểm tra xem thế nào”, khi một số doanh nghiệp ngành cao su cho biết với một số dự án họ còn được ngân hàng yêu cầu vay thêm vốn, trong khi thực tế không cần nhiều đến mức đó.

Như vậy, vốn vào doanh nghiệp xuất khẩu khá dồi dào, trong khi nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đang rất thiếu, ông Lộc khẳng định.

Đồng tình với nhận định của nhiều ý kiến trong Ủy ban Kinh tế là doanh nghiệp đang khó khăn về vốn, song TS. Trần Du Lịch, thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính - tiền tệ Quốc gia cho rằng, cần phân tích từng nhóm doanh nghiệp theo các lĩnh vực để thấy được mức độ khó khăn là rất khác nhau. Đồng thời mới lý giải được vì sao nhiều doanh nghiệp vẫn có thể vay vốn với lãi suất cao.

Ví dụ, một doanh nghiệp có chi phí tài chính dưới 10% giá thành sản phẩm thì khi lãi suất có cao hơn mức bình thường 5 - 7% thì giá thành sản phẩm cũng chỉ tăng thêm từ 1 - 2%, như vậy cũng có thể chấp nhận được, dù lợi nhuận có giảm, ông Lịch phân tích.

Cũng theo ông Lịch, khó khăn về vốn sẽ gay gắt hơn ở chính các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành thương mại, vì lãi suất cao sẽ tác động đến giá thành rất lớn. Do vậy, chính sách tín dụng cần ưu tiên cho các doanh nghiệp thu mua hàng hóa xuất khẩu và hoạt động thương mại nội địa, chuyên gia này đề nghị.

Dẫn lại bản khoản của ông Lịch trước đó, liên quan đến tổng dư nợ tín dụng lên tới 120% GDP nhưng cụ thể tiền nằm ở đâu còn chưa rõ, Chủ tịch VCCI Vũ Tiến Lộc đặt câu hỏi không hiểu vì lý do gì mà vốn chưa ra được khu vực sản xuất, kinh doanh.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 6, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

"Giống như điều hành giao thông, điều hành không tốt sẽ gây nên ách tắc, nếu điều phối nguồn vốn trong hệ thống ngân hàng tốt thì nguồn vốn sẽ được bơm cho sản xuất, kinh doanh và có dư địa tín dụng cho khu vực doanh nghiệp", ông Lộc ví von.

Vị Chủ tịch VCCI cũng lo ngại khi nhận được nhiều câu trả lời từ nhiều doanh nghiệp, không chỉ là doanh nghiệp vừa và nhỏ, rằng tình hình hiện nay còn khó khăn hơn 2008. Và nếu tình trạng đói vốn kéo dài thì nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ phải bán dự án, bán doanh nghiệp, trong khi các quỹ đầu tư nước ngoài đang có xu hướng thu hẹp các doanh nghiệp trong các lĩnh vực có tiềm năng.

Bởi vậy, bên cạnh mong muốn Quốc hội ủng hộ đề xuất giảm 30% thuế thu nhập cho doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2010 như thông tin được đại diện Bộ Tài chính nêu tại cuộc họp, ông Lộc cũng đề nghị Chính phủ sớm cho hình thành quỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ và ủy thác các tổ chức tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vay.

Bên cạnh đó, cần có quy định tỷ lệ dư nợ bắt buộc với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng thương mại với sự trợ giúp của Nhà nước, phát triển mạnh hơn quỹ bảo lãnh tín dụng và giảm thời hạn thẩm định để thực hiện bảo lãnh tín dụng cho khu vực doanh nghiệp này tiếp cận nguồn vốn từ 30 ngày hiện nay xuống 15 ngày.

Giải pháp tiếp theo được ông Lộc đề xuất là cần có biện pháp tăng nguồn tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua sử dụng vốn ODA. Đồng thời khuyến khích sắp xếp hệ thống đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp để giảm bớt công đoạn thực hiện thủ tục phức tạp về thế chấp, bảo lãnh như hiện nay...

*Phụ trách chuyên mục: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn
ThS. Phí Thị Hồng Linh
ThS. Bùi Thị Thanh Huyền
Địa chỉ email: nngocson@vdf.org.vn*